

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP DĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ VI PHẠM PHÁP.



SEEC

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN SÔNG ĐÀ

(Giấy Chứng nhận ĐKKD số 0103015940 Sở KH&ĐT Hà Nội cấp ngày 14/02/2007
sua đổi lần thứ 2 ngày 18 tháng 09 năm 2009)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Đăng ký) Niêm yết số: /GCN-SGDCKHN do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
cấp ngày: tháng năm 2009)

TỔ CHỨC TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS

KLS

Trung thực & Cần trọng

Trụ sở chính: 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3772 6868 Fax: (84-4) 3772 6131

Chi nhánh Hồ Chí Minh: Lầu 2, tòa nhà Centec Tower, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, HCM;

Điện thoại: (84-8) 3823 3923 Fax: (84-8) 3827 7380

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày: / /2009 tại các địa điểm sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN SÔNG ĐÀ (website: www.seec.com.vn)

Trụ sở chính: Tầng 5, Trung tâm Thương mại Hà Đông, số 8 Quang Trung - Hà Đông - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3355 3935 Fax: (84-4) 3355 3931

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG (website: www.kls.vn)

Trụ sở chính: 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3772 6868 Fax: (84-4) 3772 6131

Chi nhánh Hồ Chí Minh: Lầu 2, tòa nhà Centec Tower, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, HCM

Điện thoại: (84-8) 3823 3923 Fax: (84-8) 3827 7380

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Nguyễn Văn Hải

-

Chức vụ: Kế toán trưởng

Điện thoại: (84-4) 3355 3935

-

Fax: (84-4) 3355 3931

Hà Nội, 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN SÔNG ĐÀ

(Giấy Chứng nhận ĐKKD số 0103015940 Sở KH&ĐT Hà Nội cấp ngày 14/02/2007
sửa đổi lần thứ 2 ngày 18 tháng 09 năm 2009)



SEEC

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu: CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN SÔNG ĐÀ
Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết: 1.509.565 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết: 15.095.650.000 đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS



Trụ sở chính: 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3772 6868 Fax: (84-4) 3772 6131

Chi nhánh Hồ Chí Minh: Lầu 2, tòa nhà Centec Tower, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, HCM

Điện thoại: (84-8) 3823 3923 Fax: (84.8). 3827 7380

Website: www.kls.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ (AA)- CHI NHÁNH HÀ NỘI



Trụ sở chính: P502 Nhà B4 Khu Đô thị Mỹ Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 6287 1970 Fax: (84.4) 6287 1971

Website: <http://www.americanauditing.com>

Email: aa.hanoi@gmail.com

MỤC LỤC

PHẦN I: CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	1
1. Rủi ro về kinh tế	1
2. Rủi ro về luật pháp	2
3. Rủi ro đặc thù ngành nghề	3
4. Rủi ro vận hành	3
5. Rủi ro cạnh tranh	3
6. Rủi ro biến động giá cổ phiếu niêm yết	4
7. Rủi ro khác	4
PHẦN II: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	5
1. Tổ chức Niêm yết	5
2. Tổ chức Tư vấn niêm yết	5
PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM.....	6
PHẦN IV: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	7
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	7
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý.....	13
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông	17
4. Danh sách những công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết	19
5. Hoạt động kinh doanh	19
6. Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	41
7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	44
8. Chính sách đối với người lao động	46
9. Chính sách cổ tức, cổ phiếu	49
10. Tình hình hoạt động tài chính	49
11. Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	55
12. Tài sản.....	66
13. Kế hoạch lợi nhuận, cổ tức các năm tiếp theo	67
14. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của SEEC	68

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết	69
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết.....	69
PHẦN V: CỔ PHIẾU NIÊM YẾT	69
1. Tên cổ phiếu:	69
2. Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết:	69
3. Loại cổ phiếu:	69
4. Mệnh giá:	69
5. Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá:	69
6. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của Công ty	69
7. Phương pháp tính giá.....	71
8. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	71
9. Các loại thuế có liên quan	72
PHẦN VI: CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT.....	74
PHẦN VII: PHỤ LỤC.....	75

PHẦN I: CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

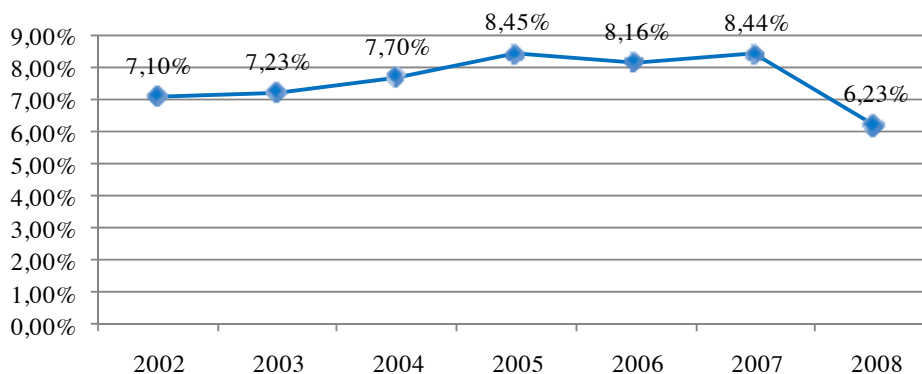
1. Rủi ro về kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng của một nền kinh tế phụ thuộc rất nhiều vào tình hình phát triển chung của kinh tế thế giới, nhất là trong bối cảnh tự do thương mại toàn cầu. Trong giai đoạn 2000-2006, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân của Việt Nam đạt mức 7,73%. Năm 2007, tăng trưởng GDP đạt mức cao nhất là 8,46%, mức tăng cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây. Đây là thời kỳ kinh tế các nước trong khu vực Châu Á nói riêng và trên thế giới nói chung lấy lại được đà phát triển sau cuộc khủng hoảng tiền tệ ở Châu Á. Tuy nhiên, ngay sau đó, kinh tế thế giới phải đối mặt với cuộc khủng hoảng tài chính bắt nguồn từ cuối năm 2007. Các nước đang phát triển như Việt Nam ngay lập tức chứng kiến sự sụt giảm của hoạt động xuất nhập khẩu và nguồn vốn đầu tư nước ngoài, vốn là những yếu tố quan trọng cho phát triển kinh tế. Năm 2008, Việt Nam đã phải liên tục điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng và tốc độ tăng GDP chỉ đạt 6,23%, thấp hơn 2,25% so với năm 2007 và thấp hơn 0,77%¹ so với kế hoạch điều chỉnh nhưng trong bối cảnh khủng hoảng tài chính toàn cầu, tốc độ tăng như vậy cũng là một thành tựu lớn, tạo điều kiện thuận lợi để giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

Tuy vậy, 9 tháng đầu năm 2009 tăng trưởng GDP đạt 4,59%, sản xuất tiếp tục tăng trưởng dương ghi nhận ở các lĩnh vực trọng yếu như công nghiệp và xây dựng, nông-lâm-ngư nghiệp, dịch vụ với tốc độ tăng lần lượt là 4,48%, 1,57% và 5,91% so với cùng kỳ năm trước².

Biểu đồ: Tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2002 - 2008



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Rủi ro về lãi suất

Năm 2008, các doanh nghiệp tại Việt Nam không chỉ bị ảnh hưởng của suy giảm kinh tế toàn cầu mà còn gặp khó khăn trong việc thu xếp nguồn vốn đầu tư sản xuất. Do chính sách thắt chặt tiền tệ nhằm

¹ <http://www.laodong.com.vn/Home/2008-GDP-cua-Viet-Nam-chi-tang-623/200812/121124.laodong>

² <http://cafef.vn/20090928105548427CA33/9-thang-dau-nam-tang-truong-gdp-dat-459.chn>

kiềm chế lạm phát được thực hiện bởi Ngân hàng Nhà nước, nguồn vốn vay đưa vào lưu thông bị hạn chế với lãi suất vay tăng cao (*Ngân hàng Nhà nước cho các ngân hàng thương mại áp dụng lãi suất cho vay tối đa là 21%/năm*). Tuy tình trạng này chỉ diễn ra trong một thời gian nhưng cũng tác động đáng kể đến chi phí lãi vay của các doanh nghiệp. Do đó, cân bằng nguồn vốn và giảm bớt việc sử dụng đòn bẩy tài chính phải được các doanh nghiệp ưu tiên thực hiện như một biện pháp phòng tránh rủi ro lãi suất.

Rủi ro về lạm phát

Theo báo cáo của Tổng cục thống kê, chỉ số giá tiêu dùng tháng 9/2009 tăng 0,69% so với tháng 8 và tăng 7,64% so với cùng kỳ năm ngoái. Như vậy, tính từ đầu năm đến nay, đây là tháng chỉ số giá tăng cao thứ hai, sau mức tăng 1,17% của tháng 2/2009³.

Sự đột biến trong xu hướng tăng của CPI có nguyên nhân từ giá một số hàng hóa thiết yếu trên thị trường thế giới tăng trong chu kỳ tính chỉ số giá của tháng này. Hơn nữa, ở trong nước, một số nhân tố mới cũng tác động đến việc tăng tốc của CPI như việc tăng giá xăng dầu vào ngày 30/08/2008, giá phân bón nhập khẩu tăng mạnh, giá gas bán lẻ được điều chỉnh tăng Việc chỉ số giá tiêu dùng tăng đột biến trong tháng 9 năm 2009 như vậy yêu cầu các doanh nghiệp cũng như CTCP Kỹ thuật điện Sông Đà phải chủ động chuẩn bị các biện pháp cần thiết trong trường hợp lạm phát tiếp tục gia tăng vào những tháng cuối năm.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Đối với những doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu thì rủi ro tỷ giá hối đoái là rất đáng quan tâm vì biến động tỷ giá đang diễn ra mạnh mẽ và thường xuyên. Rủi ro này được phản ánh trực tiếp vào kết quả hoạt động kinh doanh và đòi hỏi doanh nghiệp phải có những công cụ phái sinh hay những chính sách quản lý linh động để giảm bớt tác động của nó.

2. Rủi ro về luật pháp

Văn bản pháp lý cao nhất điều chỉnh hoạt động của Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà là Luật Điện lực được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2004, Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và các văn bản hướng dẫn dưới Luật. Tuy nhiên hệ thống luật pháp của Việt Nam đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện do đó các luật và văn bản dưới luật này sẽ có thể được chỉnh sửa cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế. Những sự thay đổi này sẽ có thể gây ảnh hưởng nhất định đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

³ <http://vnecono.vn/vn/index.php/tieu-im/6484-ch-s-gia-tieu-dung-thang-92009-t-ngt-tng-cao>

3. Rủi ro đặc thù ngành nghề

Cùng với sự nghiệp phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa của cả nước, các nhà máy điện và các công trình điện vẫn đang tiếp tục được đầu tư mạnh mẽ trên khắp cả nước. Cùng với nó là nhu cầu tìm kiếm những đơn vị có truyền thống, kinh nghiệm và uy tín trong ngành để thực hiện các phần việc liên quan. Hiện nay, Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà là đơn vị duy nhất trong Tổng Công ty Sông Đà có chức năng thí nghiệm hiệu chỉnh các công trình điện. Cùng với mối quan hệ tốt đẹp đã và đang được xây dựng với Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công ty Cổ phần kỹ thuật điện Sông Đà xác định rủi ro về đặc thù ngành nghề (*như thị trường hoạt động, đối tác, ...*) là không đáng lo ngại.

4. Rủi ro vận hành

Rủi ro vận hành là loại rủi ro liên quan đến công nghệ, cơ sở hạ tầng, quy trình và con người trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đối với lĩnh vực xây lắp các công trình điện, Công ty luôn nhận thức rõ các sự cố có thể phát sinh trong quá trình xây lắp. Cùng với việc áp dụng quy trình quản lý chất lượng ISO 9001:2000, hoạt động sản xuất kinh doanh luôn được Ban lãnh đạo Công ty chỉ đạo sâu sát và tạo mọi điều kiện cho công tác quản lý kỹ thuật và an toàn lao động. Từ đó, hạn chế những tổn thất có thể xảy ra trong quá trình xây lắp.

Đối với lĩnh vực thí nghiệm hiệu chỉnh và lắp ráp thiết bị điện, yếu tố con người và công nghệ là vô cùng quan trọng. Để giảm thiểu những rủi ro có thể xảy ra, ngay từ những ngày đầu Công ty đã tập trung đầu tư vào máy móc thiết bị và công nghệ cho công tác hiệu chỉnh, thí nghiệm điện. Đồng thời, Công ty đã có chế độ, chính sách hợp lý nhằm thu hút đông đảo lực lượng cán bộ, kỹ sư có tay nghề và trình độ. Do đó, những rủi ro về vận hành đối với Công ty là rất nhỏ.

5. Rủi ro cạnh tranh

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, ngày càng có nhiều đơn vị tham gia vào lĩnh vực xây lắp đường dây và thí nghiệm điện. Do nhu cầu phát triển mạnh mẽ các nguồn cung điện để đáp ứng nhu cầu điện năng trong xã hội nên các ngành xây lắp mạng lưới điện cũng phát triển tương ứng. Thị trường này trong tương lai sẽ thu hút được sự tham gia của nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước và ít nhiều cũng tạo ra sức ép cạnh tranh đối với Công ty. Tuy nhiên, nhờ vào mối quan hệ chặt chẽ với Tổng Công ty Sông Đà, các đơn vị thành viên trong Tổng Công ty cũng như mối quan hệ tốt đẹp hiện có với Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công ty tin tưởng vào năng lực cạnh tranh của mình so với những công ty khác mới gia nhập ngành. Thêm vào đó, với đội ngũ kỹ sư lành nghề, có tay nghề và trình độ chuyên môn cao và liên tục được cử đi tu nghiệp trong nước và nước ngoài để kịp thời nắm bắt các công nghệ mới, Công ty hoàn toàn có khả năng cạnh tranh được với những đối thủ cạnh tranh trong nước và nước ngoài. Như vậy, rủi ro cạnh tranh đối với Công ty được xem là không đáng kể.

6. Rủi ro biến động giá cổ phiếu niêm yết

Khi cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, việc biến động giá cổ phiếu của Công ty sẽ không chỉ phụ thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mà còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như: tình hình thực hiện công bố thông tin, tình hình cung cầu của thị trường đối với cổ phiếu của Công ty,..... Để giảm thiểu một cách tối đa những rủi ro có thể xảy ra đối với biến động giá cổ phiếu, ngay từ thời điểm này, Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà đã ban hành quy chế Công bố thông tin nhằm ràng buộc trách nhiệm của những cá nhân liên quan đối với việc công bố thông tin của Công ty, đảm bảo thực hiện đầy đủ và kịp thời những quy định trong Thông tư 38/2007/TT-BTC ban hành ngày 18/04/2007 quy định về Công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán. Điều này sẽ giúp các nhà đầu tư tiếp cận được với những thông tin liên quan của Công ty một cách chính xác và hiệu quả. Từ đó, các nhà đầu tư có thể đưa ra được quyết định đầu tư đúng đắn hơn.

7. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, hoả hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Bão lớn, hoả hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến các công trình xây lắp như làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại (*phá huỷ một phần hoặc hoàn toàn*)... Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty dự kiến sẽ tham gia mua bảo hiểm cho tài sản và các công trình mà Công ty tham gia thi công.

PHẦN II: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức Niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN SÔNG ĐÀ

Ông Võ Khánh	Chức vụ:	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Ông Lê Văn Thu	Chức vụ:	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hải	Chức vụ:	Kế toán trưởng
Ông Ngô Đình Khương	Chức vụ:	Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức Tư vấn niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Ông: **Hà Hoài Nam** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà cung cấp.

PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM

Công ty/Tổ chức niêm yết	:	Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà;
SEEC	:	Tên viết tắt bằng tiếng Anh Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà;
CTCP	:	Công ty cổ phần;
SDE	:	Mã đăng ký chứng khoán của SEEC với TTLKCK VN;
KLS	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long;
Cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà;
VĐL	:	Vốn điều lệ;
UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
HNX	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
TTLKCK VN	:	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;
ĐHDCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông;
HĐQT	:	Hội đồng quản trị;
BTGD	:	Ban Tổng Giám đốc;
BKS	:	Ban Kiểm soát;
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên;
Giấy CNĐKKD	:	Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh;
BCTC	:	Báo cáo tài chính;
DTT	:	Doanh thu thuần;
TDT	:	Tổng Doanh thu;
LNST	:	Lợi nhuận sau thuế;
Thuế TNDN	:	Thuế thu nhập doanh nghiệp;
SXKD	:	Sản xuất kinh doanh;
TNHC	:	Thí nghiệm hiệu chỉnh;
BĐH	:	Ban điều hành;
Ban QLDA	:	Ban Quản lý dự án;
VND	:	Đồng Việt Nam.

PHẦN IV: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký niêm yết

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN SÔNG ĐÀ
Tên giao dịch đối ngoại: SONG DA ELECTRICAL ENGINEERING JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt: SEEC
Logo:



Trụ sở chính: Tầng 5, Trung tâm thương mại Hà Đông, số 8 Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
Điện thoại: (84.4) 3355 3935 **Fax:** (84.4) 3355 3931
Website: www.seec.com.vn
Giấy chứng nhận ĐKKD: 0103015940 Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 14/02/2007, thay đổi lần thứ hai ngày 18/09/2009
Vốn điều lệ: **15.095.650.000** (Mười lăm tỷ, chín mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi nghìn) đồng
Cơ cấu vốn điều lệ:

Bảng 1. Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty (Tại thời điểm ngày 24/11/2009)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Số lượng cổ phần sở hữu	Giá trị cổ phần sở hữu (theo mệnh giá)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Sông Đà (Người đại diện: Nguyễn Bạch Dương)	25.000	250.000.000	1,66
Vốn góp của các cổ đông khác	1.484.565	14.845.650.000	98,34
Tổng cộng	1.509.565	15.095.650.000	100,00

(Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 24/11/2009 của SEEC)

Ngành nghề kinh doanh:

- Xây lắp Nhà máy điện, Đường dây tải điện, Trạm biến áp và các Dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500kV.
- Thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành; thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ; duy tu bảo dưỡng định kỳ và xử lý sự cố bất thường các Nhà máy điện, Đường dây tải điện, Trạm biến áp, các Dây chuyền công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500kV và công suất đến 3.000 MW;
- Lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành, bảo trì và nâng cấp các hệ thống thông tin viễn thông, hệ thống điều khiển phân tán, hệ thống SCADA và các hệ thống khác trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin;
- Tư vấn chuyên ngành Kỹ thuật điện cho quản lý xây dựng Nhà máy điện, Hệ thống điện - điện tử và tự động hoá, bao gồm cả công tác đồng bộ thiết kế, đồng bộ thiết bị, lập sơ đồ khởi động và thử đồng bộ thiết bị cho các Nhà máy điện, Trạm biến áp và các Dây chuyền công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500kV, công suất đến 3000 MW;
- Sản xuất công nghiệp và quản lý vận hành trong các lĩnh vực cơ khí, điện, điện tử, thông tin viễn thông và sản xuất năng lượng điện;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện - điện tử, công nghệ thông tin, cơ khí, phương tiện vận tải cơ giới, phụ tùng cơ giới phục vụ thi công xây lắp các công trình điện, kinh doanh điện thương phẩm theo Luật Điện lực;
- Đào tạo chuyên ngành điện kỹ thuật, điện tử, công nghệ thông tin, tin học .

1.2 Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 14/02/2007. Công ty được thành lập trên cơ sở góp vốn của Tổng Công ty Sông Đà và Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (*Đánh giá lại tài sản và bàn giao lại toàn bộ nhân lực, thiết bị, các quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan của Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11-Trung tâm thí nghiệm điện theo quyết định số 03/2007/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 01 năm 2007 của HĐQT Công ty Cổ phần Sông Đà 11*) và các thể nhân khác là Cán bộ công nhân viên của Công ty.

Tiền thân của Công ty là Trung tâm thí nghiệm điện - Tổng Công ty Sông Đà, là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 34/TCT-TCĐT ngày 22/05/2002 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sông Đà.

Hiện nay, Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà là đơn vị duy nhất của Tổng Công ty Sông Đà và là 1 trong 4 đơn vị của cả nước có chức năng thực hiện Thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành các công trình điện của cả nước như các Nhà máy điện, Trạm biến áp và Đường dây tải điện có cấp điện áp đến 500kV, công suất đến 3000MW.

Tính đến tháng 09 năm 2009, Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà **đã thực hiện hoàn thành Xây lắp phần điện, Thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành các Trạm biến áp, Nhà máy thủy điện và Dây chuyên công nghệ công nghiệp** do Tổng Công ty Sông Đà, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các công ty khác làm Chủ đầu tư:

- Cấp điện áp đến 35kV: Nhà máy thủy điện Nà Loi (9,3MW-6,3/35kV), Nậm Mu (12MW-6,3/35kV), EaKrongrou (28MW-11/35kV), Nhà máy thủy điện Krông K'mar (12MW-6,3/35kV), ...
- Cấp điện áp 110kV: Nhà máy thủy điện Cần Đơn (76MW-11/110kV), Nậm Chiến 2 (32MW-6,3/110kV), Hương Điền (81MW-11/110kV), ...
- Cấp điện áp 220kV: Nhà máy thủy điện Sê San 3 (260MW-15,75/220kV), Sê San 3A (108MW-13,8/220kV), Tuyên Quang (342MW-13,8/220kV), ...
- Trạm 110 kV khu công nghiệp dệt may Nhơn Trạch (110/22kV-1x40MVA), Trạm biến áp Thủy điện Tuyên Quang (63MVA-220/110/35kV), 02 Ngăn xuất tuyến 220kV - trạm 500kV Pleiku, Trạm 110kV Nhà máy xi măng Hạ Long (110/6kV-2x25MVA), Trạm 110kV Nhà máy thép Hoà Phát (110/6kV-2x45MVA), ...
- Đường dây 110 kV Kông Chro, Đường dây 110kV Hương Điền - Văn Xá, Đường dây 220kV Sê San 4 - Pleiku, Đường dây 220kV Dốc Sỏi - Quảng Ngãi,
- Dây chuyên công nghệ Nhà máy Xi măng Hạ Long, công suất đến 2 triệu tấn/năm, Dây chuyên Công nghệ Trạm nghiền Xi măng Hiệp Phước - Thành phố Hồ Chí Minh, ...

Hiện nay, Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà đang tập trung thi công các công trình trọng điểm như:

- Lắp đặt phần điện, thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành:
 - ✓ Các Nhà máy thủy điện: Nậm Chiến 1 (190MW-13,8kV/220kV), Nậm Chiến 2 (32MW-6/110kV), Hương Sơn (33MW-6/110kV), Hương Điền (81MW-11/110kV), Krông H'nh (64MW-11/110kV), Nậm Cùn (15MW-6/110kV), ...
 - ✓ Các Trạm biến áp: Vĩnh Tường (2x25MVA-110/35/22kV), EAKA (1x25MVA-110/35/22kV), ...
 - ✓ Các Đường dây tải điện: 110kV Kông Chro - An Khê, 110kV Hương Điền - Văn Xá, 220kV Dốc Sỏi - Quảng Ngãi, ...
 - ✓ Các công trình khác: Nhà máy xi măng Hạ Long (Công suất 2 triệu tấn/năm), cấp điện khu du lịch Sơn Trà - Đà Nẵng, ...

Sau hơn 07 năm xây dựng và phát triển, Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà đã lớn mạnh không ngừng, tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu trong đấu thầu, thi công, quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh.

Ngày nay, Công ty có một đội ngũ gần 300 cán bộ công nhân viên trong đó có gần 100 kỹ sư chuyên ngành điện - điện tử, công nghệ thông tin, cơ khí và hoá dầu và gần 200 công nhân kỹ thuật lành nghề.

Cùng với việc phát triển về số lượng các đơn vị thành viên và đội ngũ CBCNV, Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà rất chú trọng đầu tư đổi mới trang thiết bị, công tác đào tạo lực lượng cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề, xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng Quốc tế ISO 9001:2008, ISO/IEC 17025: 2005 để nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh.

Công ty đã được cấp Chứng chỉ công nhận Phòng thí nghiệm hợp chuẩn quốc tế (số hiệu VILAS 162) theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng - Bộ Khoa học Công nghệ công nhận khả năng kiểm định đo lường Nhà nước về hoạt động kiểm định máy biến dòng điện đo lường, máy biến điện áp đo lường có cấp chính xác đến 0,2 và cấp điện áp đến 220kV (số hiệu N146).

Hiện nay Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà đã có:

- Hệ thống phòng thí nghiệm hợp chuẩn: Phòng thí nghiệm cao thế, Phòng thí nghiệm Role, Phòng thí nghiệm Đo lường - Tự động với qui mô hiện đại, đủ khả năng đáp ứng công tác thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành các nhà máy điện công suất đến hàng nghìn MW và các trạm biến áp có cấp điện áp đến 500 kV và liên kết đào tạo thực hành chuyên ngành điện với các trường Trung cấp, Cao đẳng nghề;
- Phòng kiểm định đo lường N146, có chuẩn đo lường để kiểm định phương tiện đo cấp chính xác 0,05 và 0,02 cho các thiết bị trong hệ thống đo lường điện như máy biến dòng điện đo lường, máy biến điện áp đo lường có cấp điện áp từ 0,4kV đến 220kV.

1.3 Một số thành tựu xuất sắc đạt được trong quá trình hoạt động và phát triển

- Huân chương Lao động hạng 3;
- Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc năm 2002 do Bộ Xây dựng trao tặng;
- Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào công nhân viên chức và hoạt động công đoàn năm 2004 do Ban chấp hành Công đoàn Xây dựng Việt Nam trao tặng;
- Bằng khen đạt thành tích xuất sắc trong chiến dịch thi đua 400 ngày đêm trên công trình thủy điện Sê San 3 (240MW-15,75/220kV) do Ban chấp hành Công đoàn Tổng Công ty Sông Đà trao tặng - năm 2006;
- Bằng khen đạt thành tích xuất sắc trong chiến dịch thi đua 205 ngày đêm trên công trình thủy điện Tuyên Quang (342MW-13,8/220kV) do Ban chấp hành Công đoàn Xây dựng Việt Nam trao tặng;
- Nhiều danh hiệu và bằng khen cho tập thể, cá nhân khác.

1.4 Tóm tắt quá trình tăng vốn của Công ty kể từ khi thành lập

Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà được thành lập theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0103015940 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 14/02/2007 với số Vốn điều lệ đăng ký ban đầu là 5.000.000.000 đồng. Trong năm 2008 nhằm mục đích tăng năng lực thiết bị thi công, năng lực tài chính phục vụ SXKD của Công ty, Công ty đã thực hiện đợt chào bán riêng lẻ cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Tính đến thời điểm 30/09/2009, Vốn điều lệ của Công ty đã tăng lên mức **15.095.650.000** đồng. Chi tiết đợt chào bán như sau:

Căn cứ thực hiện:

- Nghị quyết số 01/2008/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty phê duyệt phương án phát hành tăng vốn điều lệ Công ty lên từ 5 tỷ đồng đến 20 tỷ đồng;
- Nghị quyết số 27/2008/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/10/2008 của Đại hội đồng cổ đông Công ty về việc gia hạn thời gian chào bán cổ phần, điều chỉnh giá bán cổ phần cho cán bộ công nhân viên và chào bán số cổ phần còn lại chưa bán hết;
- Các Nghị quyết HĐQT liên quan.

Thời gian thực hiện: từ ngày 16/04/2008 đến ngày 31/10/2008

Kết quả chào bán:

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phần	Giá chào bán	Số lượng người mua	Giá trị theo mệnh giá	Thặng dư	Số tiền thu về
1	Giai đoạn 1						
	Cổ đông hiện hữu	702.875	10.000	48	7.028.750.000	0	7.028.750.000
2	Giai đoạn 2						
	Cán bộ công nhân viên	306.690	- ⁴	19	3.066.900.000	460.540.000	3.527.440.000
	Nhà đầu tư bên ngoài	0	-	0	0	0	0

⁴ Giá bán cho từng cán bộ công nhân viên được điều chỉnh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/10/2008.

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN SÔNG ĐÀ



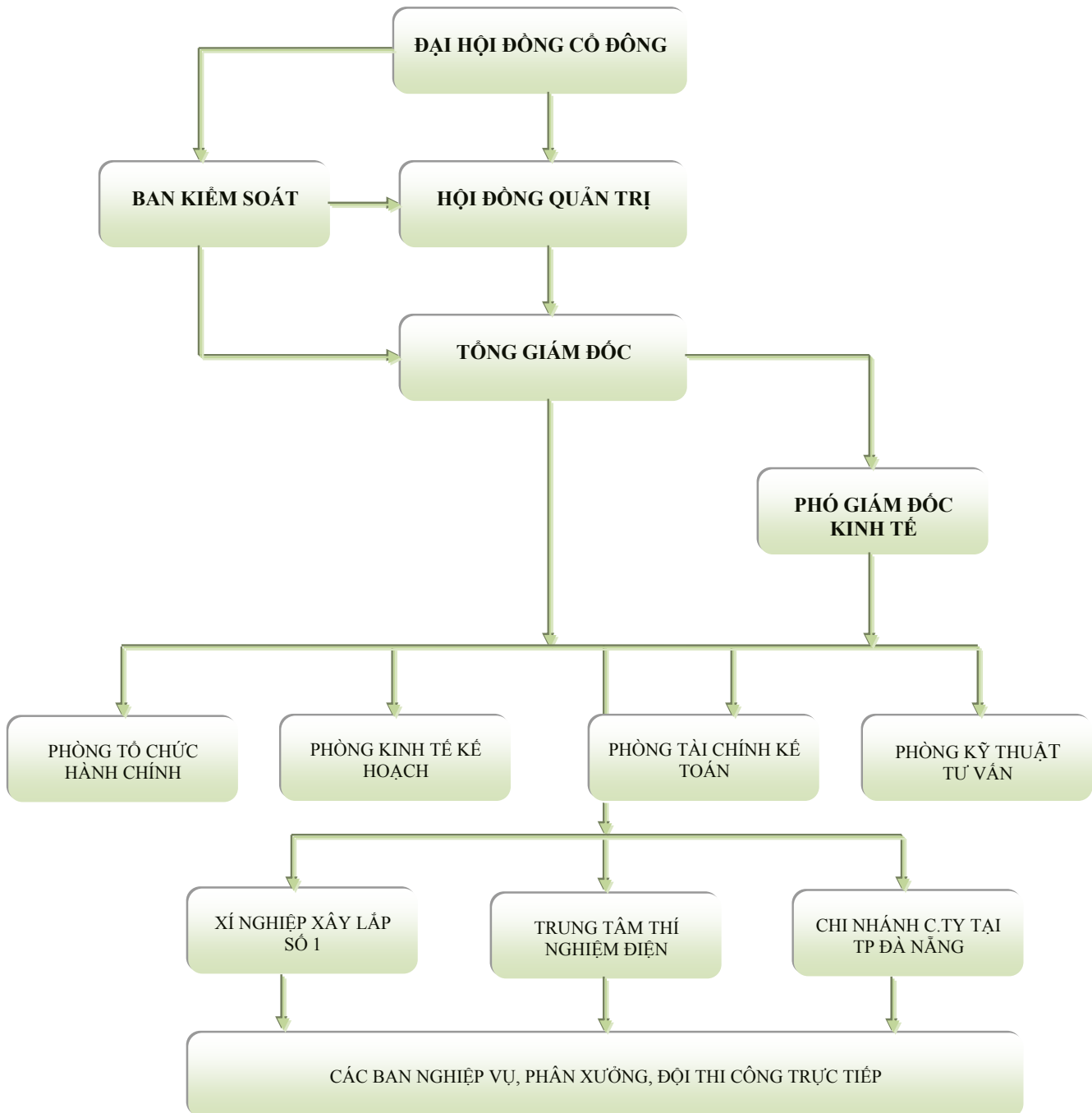
STT	Đối tượng	Số lượng cổ phần	Giá chào bán	Số lượng người mua	Giá trị theo mệnh giá	Thặng dư	Số tiền thu về
3	Tổng cộng	1.009.565		64 ⁵	10.095.650.000	460.540.000	10.556.190.000

(Nguồn: CTCP Kỹ thuật điện Sông Đà)

Kết thúc đợt chào bán, Công ty đã chào bán thành công 1.009.565 cổ phần, chính thức nâng vốn điều lệ của Công ty lên 15.095.650.000 đồng.

⁵ Trong số 19 CBCNV được mua cổ phiếu đợt này, có 13 người là cổ đông hiện hữu của Công ty. Do đó, tổng số cổ đông của Công ty sau khi kết thúc đợt chào bán là 64 người.

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý



Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa X - kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.

Cơ sở của hoạt động quản trị và điều hành Công ty là Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông sáng lập thông qua ngày 30/01/2007 và sửa đổi, bổ sung lần 2 ngày 18 tháng 04 năm 2009.

Đại hội đồng cổ đông:

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông uỷ quyền.

Hội đồng quản trị:

Số thành viên của HĐQT gồm 05 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát:

Ban kiểm soát do ĐHCĐ bầu, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát bao gồm 03 thành viên.

Ban Tổng Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc của Công ty bao gồm 02 người: 01 Tổng Giám đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc.

Các phòng ban chức năng của Công ty:

Phòng Tổ chức Hành chính

Phòng Tổ chức Hành chính tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty về những mặt hoạt động sau:

Bộ phận Tổ chức, lao động tiền lương, chế độ chính sách, khen thưởng kỷ luật:

- Công tác tổ chức, cán bộ;
- Công tác tuyển dụng lao động, quản lý và sử dụng lao động;
- Công tác đào tạo;
- Công tác báo cáo thống kê;
- Công tác tiền lương;
- Giải quyết các chế độ, chính sách cho người lao động;
- Thi đua, khen thưởng, kỷ luật;
- Công tác thanh tra.

Bộ phận Quản trị hành chính:

- Văn thư, lưu trữ;
- Quản trị hành chính;
- Bảo vệ, an ninh cơ quan.

Phòng Tài chính - Kế toán

Phòng Tài chính - Kế toán có chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc Công ty trong công tác huy động và phân phối vật tư, tiền vốn theo yêu cầu sản xuất kinh doanh của đơn vị; tổ chức bộ máy tài chính kế toán từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc; đồng thời tổ chức và chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác tài chính kế toán, thông tin kinh tế và hạch toán kinh tế, hạch toán kế toán nhằm quản lý tốt tài sản của Nhà nước, ghi chép, phản ánh đầy đủ chính xác quá trình hình thành, vận động và chu chuyển của vốn biểu hiện bằng số lượng và giá trị theo đúng Luật kế toán và những quy định cụ thể của Công ty, Nhà nước về công tác quản lý kinh tế, tài chính.

Phòng Kinh tế Kế hoạch

Phòng Kinh tế Kế hoạch tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty về các lĩnh vực:

- Quản lý kế hoạch và báo cáo thống kê;
- Quản lý kinh tế, hợp đồng kinh tế, việc thực hiện đầu tư XD/CB;
- Công tác tiếp thị, đấu thầu;
- Lập, thẩm định và trình duyệt cấp có thẩm quyền các Hồ sơ đấu thầu thiết bị - công nghệ cho các dự án của Công ty;
- Lập, thẩm định và trình duyệt cấp có thẩm quyền các dự án đầu tư đối với các dự án đầu tư của Công ty và của các đơn vị thành viên;
- Xây dựng định mức đơn giá, nội bộ của Công ty;
- Hướng dẫn nghiệp vụ đối với các đơn vị trực thuộc.

Phòng Kỹ thuật - Tư vấn

Phòng Kỹ thuật Tư vấn tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty về các lĩnh vực:

- Quản lý công tác tư vấn, thiết kế;
- Quản lý lập biện pháp và tiến độ thi công;
- Quản lý vật tư;
- Quản lý công tác thi công xây lắp, khối lượng, chất lượng tại các công trình;

- Xây dựng định mức đơn giá nội bộ của Công ty;
- Tổng hợp, cân đối, sửa chữa xe máy thiết bị trong Công ty;
- Quản lý công tác an toàn - bảo hộ lao động;
- Quản lý công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật và ứng dụng công nghệ;
- Tư vấn chuyên ngành kỹ thuật điện;
- Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình điện;
- Quản lý hệ thống chất lượng của Công ty.

Xí nghiệp xây lắp số 1

- Trụ sở: Tầng 5 – trung tâm thương mại Hà Đông, số 8 Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội.
- Điện thoại : 04.33554948 Fax: 04.33554948
- Ngành nghề kinh doanh: Xây lắp nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, thông tin viễn thông và các dây chuyền công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500kV.

Trung tâm thí nghiệm Điện

- Trụ sở: Tầng 5 – trung tâm thương mại Hà Đông, số 8 Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội.
Điện thoại: 04.33553973 Fax: 04.33553971
- Hệ thống Phòng thí nghiệm phía Bắc: số 180 tổ 1, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội
Điện thoại : 04.22414940 Fax: 04.33553971
- Hệ thống Phòng thí nghiệm phía Nam: Lô 6+7 B13, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: 0511 327 2869 Fax: 0511 376 8926
- Ngành nghề kinh doanh:

Thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành, thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ, duy tu bảo dưỡng định kỳ và xử lý sự cố bất thường các Nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, các dây chuyền công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500kV và công suất đến hàng nghìn MW.

Lắp ráp tủ bảng điện điều khiển, đo lường, bảo vệ và tự động hóa cho các hệ thống công nghệ; Lắp ráp tủ bảng điện tự dùng AC-DC; ... cho các Nhà máy điện, Trạm biến áp và các dây chuyền công nghiệp; Lắp đặt, thí nghiệm - hiệu chỉnh các thiết bị điện của đường dây, trạm biến áp, các nhà máy thủy điện, thông tin viễn thông và các dây chuyền công nghệ.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà tại Đà Nẵng

- Địa chỉ: Lô 6+7 B1.3 Khu tái định cư Hoà Minh I, phường Hoà Minh, quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng.

- Tel: 0511.3896262 Fax: 0511.3896262
- Ngành nghề kinh doanh:
 - ✓ Đại diện cho Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh tại miền Trung;
 - ✓ Xây lắp nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, thông tin viễn thông và các dây chuyên công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500kV.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông

3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của SEEC

Bảng 2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

(Tại thời điểm ngày 24/11/2009)

Stt	Tên cổ đông	CMTND/ ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty Cổ phần Sông Đà 11	0303000212	Lô A16 TT9 khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	500.000	33,12
2	Võ Khánh	200411631	Số 162A - Nguyễn Tuân - Thanh Xuân - Hà Nội	85.325	5,65
3	Võ Văn Anh Tuấn	205017811	Đại Phú - Đại Nghĩa- Đại Lộc - Quảng Nam	105.000	6,96
	Tổng cộng			690.325	45,73

(Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 24/11/2009 của SEEC)

3.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Căn cứ theo Giấy đăng ký kinh doanh của Công ty số 0103015940 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 14/02/2007 sửa đổi lần thứ hai ngày 18/09/2009, danh sách cổ đông sáng lập của Công ty được thể hiện như sau:

Bảng 3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

(Tại thời điểm ngày 24/11/2009)

Stt	Tên cổ đông sáng lập	Số cổ phần sở hữu (cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Sông Đà Người đại diện quản lý vốn tại	25.000	250.000.000	1,66

Stt	Tên cổ đông sáng lập	Số cổ phần sở hữu (cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
	SEEC: Nguyễn Bạch Dương			
2	Công ty cổ phần Sông Đà 11	500.000	5.000.000.000	33,12
3	102 cổ đông sáng lập khác	677.875	6.778.750.000	44,90
Tổng cộng		1.202.875	12.028.750.000	79,68

(Nguồn: CTCP Kỹ thuật điện Sông Đà)

Theo quy định tại Khoản 5, Điều 84 Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH-11: “Trong thời hạn 3 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.”

Công ty Cổ phần kỹ thuật điện Sông Đà được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 14/02/2007. Như vậy, số cổ phần do cổ đông sáng lập của SEEC nắm giữ sẽ bị hạn chế chuyển nhượng cho các đối tượng không phải cổ đông sáng lập của Công ty theo quy định trên cho đến hết ngày 14/02/2010.

3.3. Cơ cấu cổ đông của Công ty

Bảng 4. Cơ cấu cổ đông của Công ty

(Tại thời điểm 24/11/2009)

Stt	Nội dung	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Giá trị sở hữu theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1.	Tổ chức	02	525.000	5.250.000.000	34,78
	- Trong nước:	02	525.000	5.250.000.000	34,78
	- Nước ngoài:	0	0	0	0,00
2.	Cá nhân	115	984.565	9.845.650.000	65,22
	- Trong nước:	115	984.565	9.845.650.000	65,22
	- Nước ngoài:	0	0	0	0,00
Tổng cộng		117	1.509.565	15.095.650.000	100,00

(Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 24/11/2009 của SEEC)

4. **Danh sách những công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết**

4.1. **Những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với SEEC:**

- Không có

4.2. **Các công ty con do SEEC nắm giữ cổ phần chi phối:**

- Không có

4.3. **Các công ty liên doanh, liên kết của SEEC:**

- Không có

5. **Hoạt động kinh doanh**

5.1 **Sản lượng sản phẩm/ giá trị dịch vụ qua các năm**

5.1.1 **Các nhóm sản phẩm/ dịch vụ của SEEC**

Hiện nay, các nhóm sản phẩm chính của SEEC tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực như sau:

Lắp đặt và Thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện:

Công ty xác định ngành nghề Lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành các nhà máy thủy điện, trạm biến áp, đường dây tải điện, dây chuyền công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500kV là ngành nghề truyền thống của mình (SEEC). Những ngày đầu còn là Trung tâm Thí nghiệm điện - Tổng Công ty Sông Đà, Công ty chỉ thực hiện Lắp đặt, Thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện các công trình có quy mô vừa và nhỏ như thủy điện Nà Loì (*9,3MW-6/35kV*), thủy điện Nậm Mu (*12MW- 6/35kV*), Thác Trắng (*6MW-6/35kV*) và lớn hơn nữa là thủy điện Cần Đơn (*76MW-11/110kV*), ... Đến khi bắt đầu hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty đã tăng cường năng lực và thực hiện thành công ***Lắp đặt phần điện, Thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành các Trạm biến áp, Nhà máy thủy điện và Dây chuyền công nghệ công nghiệp có quy mô lớn*** do Tổng Công ty Sông Đà, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các công ty khác làm Chủ đầu tư: Nhà máy Thủy điện Hương Điền (*81MW-11/110kV*), Sê San 3 (*260MW-15,75/220kV*), Sê San 3A (*108MW-13,8/220kV*), Tuyên Quang (*342MW-13,8/220kV*), ... và ***đặc biệt là Dây chuyền công nghệ Nhà máy Xi măng Hạ Long có công suất đến 2 triệu Tấn/năm, Dây chuyền Công nghệ Trạm nghiền Xi măng Hiệp Phước - Thành phố Hồ Chí Minh, ...***

Hiện nay, cùng với trang thiết bị Phòng thí nghiệm hợp chuẩn quốc tế VILAS-162 theo ISO/IEC-17025/2005 và Phòng kiểm định đo lường hợp chuẩn quốc gia N146 tiên tiến, hiện đại của các hãng nổi tiếng trên thế giới như: Hãng WEI, VANGUARD, PROGRAMMA, SMC, FLUKE, PHENIX,OMICRON, ... và đội ngũ kỹ sư, công nhân lành nghề - chuyên nghiệp, Công ty đã có những tiến bộ vượt

bậc với khả năng Lắp đặt, Thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành an toàn, hiệu quả các Nhà máy điện, Đường dây tải điện, Trạm biến áp và các Dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500kV- công suất đến 3000MW.

Với đội ngũ Cán bộ - Kỹ sư giỏi, được đào tạo tại các hãng lớn trên thế giới như ABB, SIEMENS, METSO AUTOMATION, ... và thực tế trải nghiệm qua nhiều nhà máy thủy điện về các hệ thống tự động hoá như Hệ thống kích từ Máy phát điện đồng bộ, Hệ thống điều tốc Tua bin thủy lực kiểu điện tử - kỹ thuật số và Hệ thống điều khiển Trung tâm DCS/SCADA, Công ty đã thực hiện tốt nhiệm vụ thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành các nhà máy thủy điện lớn trong nước và đã được các chuyên gia các hãng nước ngoài đánh giá cao cũng như giao thầu làm chuyên gia cho Nhà máy thủy điện NAGALU- 114MW- 11/110kV ở APGANISTAN.

Công ty đang tiến hành chuẩn bị lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành các nhà máy thủy điện lớn như: Xêkaman 3 (290MW-15,75/220kV), Xêkaman 1 (120MW-13,8/220kV), Krông H'năng (64MW- 11/110kV), Hương Sơn (33MW-11/110kV), Trạm biến áp 220kV- 3 x 3 x 200MVA Nhiệt điện Vũng Áng 1, ...



Thí nghiệm hiệu chỉnh Máy biến áp
220/110/35kV-63MVA - Nhà máy Thủy
điện Tuyên Quang



Thí nghiệm hiệu chỉnh hệ thống điều khiển
bảo vệ Nhà máy Thủy điện Tuyên Quang
342MW-13,8/220kV

Tư vấn chuyên ngành Kỹ thuật điện cho quản lý xây dựng nhà máy điện, hệ thống điện - điện tử và tự động hoá, bao gồm cả công tác đồng bộ thiết kế, đồng bộ thiết bị, lập sơ đồ khởi động và thử đồng bộ thiết bị cho các nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ công nghiệp là thế mạnh và cũng là định hướng phát triển ngành nghề của Công ty. Với đội ngũ Cán bộ - Kỹ sư hùng hậu và có bề dày kinh nghiệm qua các công trình thủy điện lớn, Công ty có một thế mạnh rất lớn về việc phát triển lĩnh vực này. Công ty đã tư vấn cho Chủ đầu tư về công tác đồng bộ thiết kế, đồng bộ thiết bị cho các dự án thủy điện, đảm bảo thông suốt quá trình lắp đặt, thử nghiệm đưa nhà máy vào vận hành

đạt và vượt tiến độ đã đề ra, và do đó dự án đạt được hiệu quả cao như Dự án thủy điện Sê San 3, Sê San 3A, Nậm Chiến 2, Krông Kmar, Thác Trắng, ...

Công ty cũng có đội ngũ Cán bộ - Kỹ sư am tường về các Hệ thống thông tin - viễn thông, Hệ thống SCADA/EMS, Hệ thống đo đếm điện năng và truyền dữ liệu từ xa. Và đội ngũ này cũng đã tư vấn cho Chủ đầu tư hoàn thành đồng bộ các hệ thống này cùng với tổ máy đầu tiên của nhà máy để có đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động điện lực và phát điện thương mại nhà máy.

Ngoài ra, định hướng liên doanh liên kết với các Trường đào tạo nghề để đào tạo thực hành chuyên ngành điện kỹ thuật, điện tử, công nghệ thông tin, ... cũng là bước đi hiện tại, phát triển tương lai một cách có hiệu quả của Công ty. Hiện nay, với đội ngũ kỹ sư có trình độ cao và lực lượng thiết bị hiện có, Công ty đã ký hợp đồng liên kết đào tạo với trường Cao đẳng nghề Đông Á – thành phố Đà Nẵng và hợp tác liên doanh với Công ty Cơ khí lắp máy số 10 (*Lilama 10*), từ đó mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

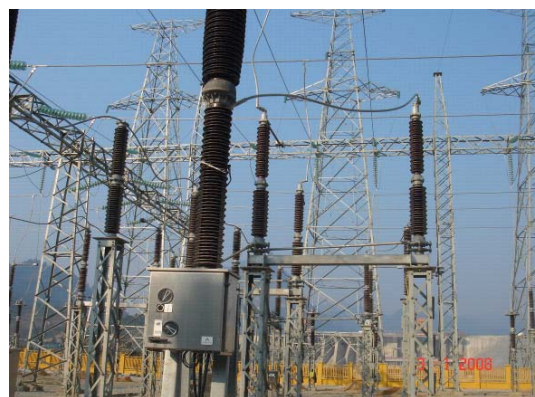
Xây lắp các công trình điện:

Song song với hoạt động Lắp đặt thiết bị điện, Thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành các Nhà máy điện, các Dây chuyền công nghệ công nghiệp, Công ty đã mở rộng lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở thế mạnh ngành nghề truyền thống của mình, tận dụng năng lực kỹ thuật sẵn có của các Cán bộ - Kỹ sư và trang bị các máy móc, công cụ dụng cụ chuyên dùng để thực hiện các công trình xây lắp điện với hiệu quả cao.

Ứng dụng tốt các thành tựu công nghệ mới, phương pháp xây lắp tiên tiến, Công ty đã thực hiện thành công các công trình xây lắp lớn như: Đường dây 110kV Kông Chro, Đường dây 220kV Sê San 4 - Pleiku, Đường dây 220kV Dốc Sỏi - Quảng Ngãi, Trạm 220kV NMTĐ Tuyên Quang (*63MVA-220/110/35kV*), Trạm biến áp 110kV Xi măng Hạ Long (*2x25MVA-110/6kV*), Trạm biến áp Vĩnh Tường (*2x25MVA-110/35/22kV*), 02 Ngăn xuất tuyến 220kV tại Trạm 500kV Pleiku, ...



Xây lắp mở rộng tại Trạm biến áp
500/220KV Pleiku



Xây lắp đường dây và trạm biến áp 220KV
Nhà máy thủy điện Tuyên Quang 342MW

Lắp ráp, kinh doanh vật tư, thiết bị điện:

Trên cơ sở năng lực Tư vấn, Xây lắp, Thí nghiệm hiệu chỉnh chuyên ngành điện, Công ty đã và đang tiến hành thực hiện công tác Lắp ráp tủ bảng điện, Kinh doanh các vật tư, thiết bị điện - điện tử chuyên dụng trong ngành tự động hóa, ... để đa dạng hoá ngành nghề, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

5.1.2 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

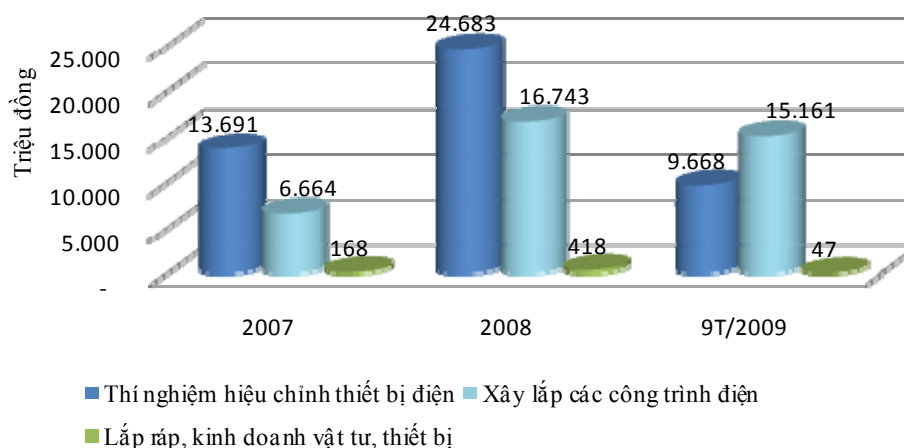
Bảng 5. Cơ cấu Doanh thu theo lĩnh vực hoạt động

Đơn vị: đồng

TT	Lĩnh vực	2007		2008		9 tháng đầu năm 2009	
		Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
1	Lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện	13.691.217.901	66,71	24.683.058.467	58,99	9.667.944.364	38,86
2	Xây lắp các công trình điện	6.664.451.039	32,47	16.742.598.789	40,01	15.160.984.606	60,95
3	Lắp ráp, kinh doanh vật tư, thiết bị	167.598.008	0,82	417.852.206	1,00	46.886.363	0,19
Tổng Cộng		20.523.266.948	100,0	41.843.509.462	100,00	24.875.815.333	100,00

(Nguồn: CTCP Kỹ thuật điện Sông Đà)

CƠ CẤU DOANH THU THUẦN



Năm 2007 là năm đầu tiên SEEC hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, do đó hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như công tác tổ chức vẫn chưa đi vào ổn định. Theo đó, kết quả sản xuất kinh doanh trong năm này không phản ánh đúng năng lực của Công ty. Sang năm 2008, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã có nhiều khởi sắc, doanh thu của các hoạt động đều tăng trưởng với tốc độ cao. Cụ thể, doanh thu năm 2008 của hoạt động Xây lắp các công trình điện tăng trưởng 151,22%, doanh thu hoạt động Lắp đặt, thí nghiệm, hiệu chỉnh tăng trưởng 80,28%, doanh thu hoạt động Lắp ráp, kinh doanh vật tư, thiết bị tăng trưởng 149,32% so với năm 2007.

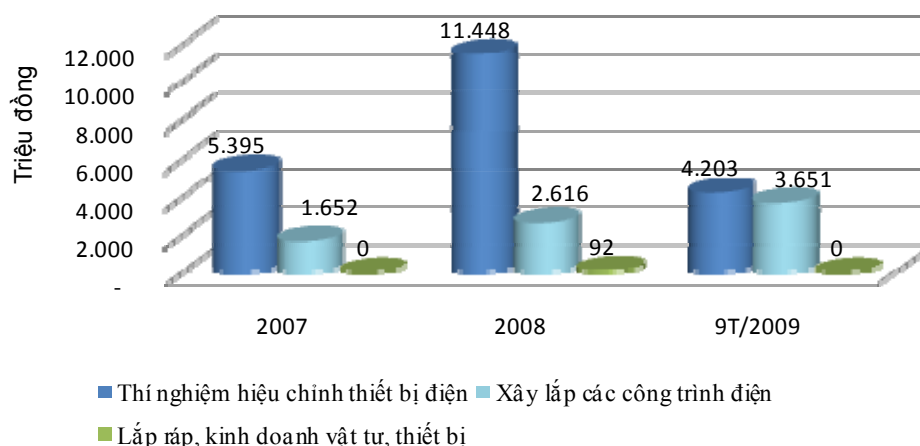
Bảng 6. Cơ cấu Lợi nhuận gộp theo hoạt động

Đơn vị: đồng

TT	Lĩnh vực	2007		2008		9 tháng đầu năm 2009	
		Giá trị	%LN	Giá trị	%LN	Giá trị	%LN
1	Lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện	5.394.615.449	76,56	11.447.911.678	80,87	4.202.991.464	53,51
2	Xây lắp các công trình điện	1.651.872.738	23,44	2.615.668.427	18,48	3.651.355.236	46,49
3	Lắp ráp, kinh doanh vật tư, thiết bị	-	-	91.602.381	0,65	0	0,00
Tổng Cộng		7.046.488.187	100,00	14.155.182.486	100,00	7.854.346.700	100,00

(Nguồn: CTCP Kỹ thuật điện Sông Đà)

CƠ CẤU LỢI NHUẬN GỘP



Tương tự như đối với Doanh thu, lợi nhuận của tất cả các lĩnh vực trong năm 2008 đều tăng trưởng vượt bậc so với năm 2007.

Ngoài ra, cơ cấu lợi nhuận gộp có sự khác biệt so với cơ cấu doanh thu trong giai đoạn từ 2007 - 9 tháng đầu năm 2009. Xét về doanh thu, hoạt động Xây lắp các công trình điện có tỷ trọng gần tương đương với hoạt động Lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh nhưng xét về lợi nhuận, hoạt động Lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh có tỷ trọng cao hơn hẳn so với 2 hoạt động còn lại (*luôn chiếm trên 70% Lợi nhuận gộp toàn Công ty*). Điều này xuất phát từ đặc thù của từng hoạt động. Hoạt động Xây lắp các công trình điện là hoạt động cần nhiều nhân công, nguyên vật liệu và máy móc thiết bị phục vụ thi công và chi phí vật tư đầu vào thường xuyên bị tác động bởi sự biến động giá trên thị trường. Trong khi đó, hoạt động Lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện là hoạt động có nồng độ chất xám cao, chi phí chủ yếu là chi phí nhân công và khấu hao máy móc thiết bị. Ngoài ra, máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động Lắp đặt, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện là những thiết bị đặc chủng, nhiều thiết bị đã khấu hao hết hoặc sắp khấu hao hết nhưng vẫn còn giá trị sử dụng rất lớn. Do đó, hoạt động Lắp đặt, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện có tỷ suất lợi nhuận lớn hơn so với hai hoạt động còn lại.

5.2 Nguyên vật liệu

5.2.1. Nguồn nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu là một trong những yếu tố cơ bản và quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của SEEC. Việc chủ động nguồn nguyên vật liệu sẽ giúp cho doanh nghiệp hoạt động được hiệu quả hơn, đảm bảo tiến độ đã cam kết với khách hàng. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thi công xây lắp các thiết bị điện và thí nghiệm, hiệu chỉnh điện, nguyên vật liệu của Công ty là những mặt hàng mang tính đặc thù cao. Nguồn nguyên vật liệu của Công ty được sử dụng từ nguyên liệu sản xuất trong nước và nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ nước ngoài.

- *Nguyên vật liệu trong nước bao gồm:* dây điện, cáp quang, Bu lông và thép xây dựng các loại,...
- *Nguyên vật liệu nhập khẩu:* Một số nguyên vật liệu trong nước không sản xuất, phải nhập khẩu bao gồm: phụ kiện dây dẫn, cáp phát dòng áp, cáp điện chống nhiễu, ... Công ty không nhập khẩu trực tiếp từ nước ngoài mà mua qua các nhà cung cấp trung gian trong nước.

Bảng 7. Danh sách một số nhà cung cấp Thiết bị thi công, nguyên vật liệu chính cho Công ty

TT	Nhà cung cấp	Sản phẩm
1	Công ty TNHH Kỹ thuật Năng lượng ENTEC	Thiết bị thi công thí nghiệm điện, thiết bị điện trung thế, cao thế, thiết bị thông tin - viễn thông - SCADA/EMS phục vụ xây lắp trạm biến áp
2	Công ty Công nghệ hệ thống SYTEC	Thiết bị thi công thí nghiệm điện, thiết bị điện phục vụ xây lắp trạm biến áp

TT	Nhà cung cấp	Sản phẩm
3	Công ty Cơ khí Văn Tiến Dũng	Thiết bị thi công xây lắp đường dây và trạm biến áp
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại HK	Dây điện, cáp quang, sứ và phụ kiện.
5	Công ty Cáp điện lực NEXANS Việt Nam	Dây dẫn điện, cáp điện
6	Công ty Cổ phần Tập đoàn Vật liệu điện và cơ khí	Dây cáp điện
7	Công ty TNHH Trường Giang	Tủ bảng điện trung thế, Rơ le điều khiển
8	Tập đoàn AREVA	Tủ bảng điện trung thế, Rơ le điều khiển
9	Tập đoàn SCHNEIDER	Tủ bảng điện trung thế, Rơ le điều khiển
10	Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 10	Kết cấu thép mạ kẽm nhúng nóng
11	Công ty Cổ phần Chế tạo kết cấu thép VNECO.SSM	Thép xây dựng và kết cấu thép mạ kẽm nhúng nóng
12	Công ty TNHH Nam Hưng	Thép xây dựng các loại

(Nguồn: CTCP Kỹ thuật Điện Sông Đà)

5.2.2. Sự ổn định của các nguồn cung cấp nguyên vật liệu

Các nhà cung cấp nguyên vật liệu cho Công ty đều là những doanh nghiệp có uy tín lâu năm trên thị trường. Trên cơ sở khảo sát thị trường, Công ty đã cung cấp đầy đủ thông tin về nguyên vật liệu cần sử dụng, tập hợp đánh giá khả năng cung cấp sản phẩm của các nhà cung ứng, lựa chọn nhà cung ứng phù hợp và thực hiện việc ký hợp đồng và kiểm soát quá trình thực hiện hợp đồng.

Việc lựa chọn, đánh giá nhà cung cấp được thực hiện thường xuyên, phù hợp với từng dự án đảm bảo nguyên vật liệu được cung cấp ổn định, đầy đủ, đạt yêu cầu về chất lượng, đặc tính kỹ thuật, có chứng chỉ xuất xứ hàng hoá rõ ràng. Công ty thực hiện việc thanh toán đúng hạn cho nhà cung cấp, giúp họ an tâm thực hiện cung cấp theo đúng hợp đồng đã ký kết.

5.2.3. Các kế hoạch và biện pháp chủ động nguyên vật liệu

Sau khi nhận được yêu cầu cung cấp sản phẩm của chủ đầu tư, Công ty tiến hành các thủ tục ký hợp đồng với các nhà cung cấp nguyên vật liệu. Các nhà cung cấp được lựa chọn là những công ty có năng lực cung cấp đảm bảo yêu cầu, chất lượng hàng hoá thoả mãn các yêu cầu kỹ thuật, giá cả hợp lý, ưu tiên các đối tác đã thường xuyên cung cấp vật tư cho Công ty.

Trong giá thành sản phẩm của Công ty chi phí nguyên vật liệu chính bình quân thường chiếm tỷ trọng từ 30% đến 35%. Do đó, chi phí nguyên vật liệu chính ảnh hưởng tương đối lớn đến giá thành sản phẩm cũng như lợi nhuận của Công ty.

Để giảm thiểu ảnh hưởng của việc biến động giá cả nguyên vật liệu, Công ty có quy chế quản lý tiêu

hao nguyên vật liệu nói chung và đặc biệt là nguyên vật liệu chính rất chặt chẽ. Công ty đã xây dựng một hệ thống định mức tiêu hao khoa học, sử dụng các công cụ quản lý vật tư chặt chẽ dựa trên sự giám sát lẫn nhau giữa các bộ phận có liên quan nhằm quản lý lượng vật tư và vật tư tiêu hao một cách tiết kiệm, tránh lãng phí đến mức tối đa. Đồng thời, Công ty cũng có những Phòng, Ban thường xuyên đánh giá thị trường nhằm chuẩn bị những nguồn lực và vật tư cần thiết nhằm tránh, giảm thiểu những biến động giá vật tư trên thị trường ảnh hưởng xấu đến giá thành sản phẩm cũng như đến kết quả kinh doanh của Công ty.

5.3 Chi phí sản xuất

Xét về cơ cấu chi phí của SEEC, chi phí Giá vốn hàng bán vẫn chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí (*luôn chiếm tỷ trọng trên 65% Tổng chi phí hoạt động của Công ty*). Trong giai đoạn 2007-2008, nhờ việc thắt chặt quản lý chi phí cùng với việc áp dụng quy trình quản lý chất lượng ISO 9001:2000, chi phí sản xuất của Công ty được giảm thiểu đáng kể (*từ 90,61% Tổng Doanh thu năm 2007 xuống còn 87,05% Tổng Doanh thu năm 2008*). Để đạt kết quả như vậy, SEEC đã áp dụng một loạt các biện pháp kiểm soát chi phí sản xuất trong tất cả các lĩnh vực như:

- Nghiên cứu thực hiện nghiêm túc luật pháp, quy phạm, tiêu chuẩn và các quy định trong mọi lĩnh vực nhằm thực hiện đúng mọi hoạt động trong sản xuất kinh doanh;
- Áp dụng ISO 9000 trong mọi hoạt động nhằm quản lý tổ chức sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm chi phí giá thành;
- Lập các biện pháp sản xuất, tối ưu nhằm chọn lựa phương án sản xuất phù hợp và hiệu quả;
- Thực hiện công tác đấu thầu dự án nhằm chọn lựa, cạnh tranh và giảm chi phí giá thành sản phẩm và nâng cao chất lượng sản phẩm;
- Tăng cường phát huy, áp dụng sáng kiến cải tiến kỹ thuật áp dụng công nghệ xây dựng tiên tiến; tăng cường công tác thi đua động viên sản xuất, đánh giá năng suất lao động, khuyến khích bằng vật chất nhằm tạo năng suất lao động cao, hạ giá thành, tăng chất lượng sản phẩm;
- Quản lý sản phẩm đầu vào, trang thiết bị sản xuất, biện pháp sản xuất và chất lượng sản phẩm làm ra nhằm giảm chi phí sản xuất.

Bảng 8. Cơ cấu chi phí theo khoản mục

Đơn vị: đồng

TT	Khoản mục	2007		2008		9 tháng đầu năm 2009	
		Giá trị	%TDT	Giá trị	%TDT	Giá trị	%TDT
1	Giá vốn hàng bán	13.476.778.761	65,57	27.688.326.976	66,15	17.021.468.633	68,21
2	Chi phí bán	-	0,00	-	0,00	-	0,00

	hàng						
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.150.775.352	20,20	7.265.728.374	17,36	5.424.952.947	21,74
4	Chi phí tài chính	994.559.896	4,84	1.483.728.156	3,54	1.028.393.778	4,12
Tổng Cộng		18.622.114.009	90,61	36.437.783.506	87,05	23.474.815.358	94,07

(Nguồn: CTCP Kỹ thuật điện Sông Đà)

5.4 Tình hình nghiên cứu sản phẩm mới

- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà đang nghiên cứu chế tạo các Tủ bảng điện điều khiển đặc chủng cho các hệ thống tự động hóa Nhà máy thủy điện vừa và nhỏ;
- Hiện nay Công ty đang liên kết với các trường Đại học và Cao đẳng nghề tiến hành đào tạo thực hành chuyên ngành điện cho các Học sinh trung cấp, cao đẳng nghề điện.

5.5 Trình độ công nghệ

Bảng 9. Máy móc - Thiết bị thi công tiêu biểu của SEEC

STT	Tên thiết bị	Nhãn hiệu	Mô tả tính năng	Năm SX	Nước/Hãng SX	Số lượng	Giá trị (đồng)
I Thiết bị, máy móc phục vụ công tác Thí nghiệm hiệu chỉnh							
1	Hợp bộ thí nghiệm Role CMC-356 (Điều khiển bằng kỹ thuật số)	OMICR ON - CMC 356	Cấp chính xác 0,2 Dùng để TNHC tất cả các loại Rơ le bảo vệ điện cho các nhà máy điện, trạm biến áp, đường dây cấp điện áp đến 500kV	2008	OMICR ON - ÁO	01	685.197.720
2	Hợp bộ thí nghiệm Role KOCOS-ARTES 440II (Điều khiển bằng kỹ thuật số)	KOCOS - ARTES 440II	Cấp chính xác 0,2 Dùng để TNHC tất cả các loại Rơ le bảo vệ điện cho các nhà máy điện, trạm biến áp, đường dây cấp điện áp đến 500kV	2004	ARTES - Đức	01	496.394.286
3	Hợp bộ thí nghiệm Role KTS 3 pha PTE300-500	PTE300 -500	Cấp chính xác 0,2 Dùng để TNHC tất cả các loại Rơ le bảo vệ điện cho các nhà	2003	SMC - Áo	01	387.218.286



STT	Tên thiết bị	Nhãn hiệu	Mô tả tính năng	Năm SX	Nước/ Hãng SX	Số lượng	Giá trị (đồng)
	<i>(Điều khiển bằng kỹ thuật điện tử - số)</i>		máy điện, trạm biến áp, đường dây cấp điện áp đến 220kV				
4	Bộ thử nghiệm Role 1 pha PTE-100C <i>(Điều khiển bằng kỹ thuật điện tử - số)</i>	PTE - 100C	Cấp chính xác 0,2 Dùng để TNHC tất cả các loại Rơ le bảo vệ điện cho các nhà máy điện, trạm biến áp, đường dây cấp điện áp đến 110kV	2003	SMC - Áo	01	78.482.286
5	Hợp bộ thí nghiệm rơ le 1 pha TPR-22CV <i>(Điều khiển bằng kỹ thuật điện tử - số)</i>	TPR-22CV	Cấp chính xác 0,2 Dùng để TNHC tất cả các loại Rơ le bảo vệ điện cho các nhà máy điện, trạm biến áp, đường dây cấp điện áp đến 110kV	2006	Kiehin Densokki - Nhật Bản	01	113.906.286
6	Hợp bộ thí nghiệm rơ le 1 pha SAKOVA <i>(Điều khiển bằng kỹ thuật điện tử - số)</i>	SAKO VA - TPR 100	Cấp chính xác 0,2 Dùng để TNHC tất cả các loại Rơ le bảo vệ điện cho các nhà máy điện, trạm biến áp, đường dây cấp điện áp đến 110kV	2002	SAKOV AẤn Độ	01	93.522.286
7	Máy chụp sóng, phân tích-tổng hợp sóng 8/16 kênh Analog <i>(Đo lường bằng kỹ thuật điện tử - số)</i>	WR 8500-8/16	Cấp chính xác 0,05 Dùng để chụp sóng, phân tích các tín hiệu điều khiển, bảo vệ, đồng bộ Tua bin, Máy phát điện ở dạng Analog	2004	Graptect - Nhật Bản	01	128.758.700
8	Hợp bộ đo lường điện tổng hợp 3 pha PA-4400 <i>(Đo lường bằng kỹ thuật số)</i>	AV Power PA-4400	Cấp chính xác 0,05 Dùng để chuẩn mẫu 1 pha, 3 pha các đại lượng đo lường điện AC/DC về Volt, Ampe, W, Var, V.A, F, T, ...	2004	AV Power - Anh	01	80.064.920

STT	Tên thiết bị	Nhãn hiệu	Mô tả tính năng	Năm SX	Nước/ Hãng SX	Số lượng	Giá trị (đồng)
9	Hộp bộ đo lường lưu lượng Fuji FLCS - 101	Fuji FLCS - 101	Cấp chính xác 0,2 Dùng để chuẩn mẫu thiết bị đo lường, bảo vệ lưu lượng	2003	Nhật	01	88.439.028
10	KiloVôn tĩnh điện KVM100	PHENIX KVM100	Cấp chính xác 0,5 Dùng để chuẩn mẫu 1 pha đại lượng đo lường điện áp xoay chiều /một chiều	2004	Mỹ	01	83.464.500
11	Máy đo điện trở 1 chiều WRM 10P	VANGUARD WRM 10P	Cấp chính xác 0,5 Dùng để kiểm tra điện trở một chiều các loại thiết bị điện cho các nhà máy điện, trạm biến áp, đường dây cấp điện áp đến 500kV	2004	Mỹ	02	131.474.286
12	Máy đo tỷ số biến áp 3 pha cho máy biến áp, máy biến điện áp ATRT03	VANGUARD ATRT03	Cấp chính xác 0,1 Dùng để TNHC đo tỉ số biến áp các loại máy biến áp cho các nhà máy điện, trạm biến áp cấp điện áp đến 500kV	2004	Mỹ	02	160.504.686
13	Máy đo tỷ số biến và đặc tính từ hoá Máy biến dòng điện EZCT	VANGUARD -EZCT	Cấp chính xác 0,1 Dùng để TNHC các loại máy biến dòng cho các nhà máy điện, trạm biến áp cấp điện áp đến 500kV	2004	Mỹ	01	172.024.686
14	Máy đo tỷ số biến và đặc tính từ hoá Máy biến dòng điện T3000	ISA-T3000	Cấp chính xác 0,2 Dùng để TNHC các loại máy biến dòng cho các nhà máy điện, trạm biến áp cấp điện áp đến 500kV	2006	Italy	01	259.612.344



STT	Tên thiết bị	Nhãn hiệu	Mô tả tính năng	Năm SX	Nước/ Hãng SX	Số lượng	Giá trị (đồng)
15	Máy đo điện trở tiếp xúc ATO-600	VANG UARD - ATO-600	Cấp chính xác 1,0 Dùng để TNHC đo điện trở tiếp xúc các thiết bị điện cho các nhà máy điện, trạm biến áp, đường dây cáp điện áp đến 500kV	2004	Mỹ	02	166.194.286
16	Máy đo phóng điện cục bộ JF-2001	Karoth - JF 2001	Cấp chính xác 1,0 Thiết bị chuyên dụng để thử nghiệm độ bền điện môi tất cả các loại thiết bị điện cho các nhà máy điện, trạm biến áp, đường dây cáp điện áp đến 110kV	2002	Trung Quốc	01	486.368.336
17	Xe công trình thí nghiệm cao áp TransHV 250kV	TransH V 250kV	Cấp chính xác 0,5 Thiết bị chuyên dụng để thử nghiệm độ bền điện môi tất cả các loại thiết bị điện cho các nhà máy điện, trạm biến áp, đường dây cáp điện áp đến 220kV	2006		01	1.420.133.158
18	Xe công trình thí nghiệm cao áp TransHV 110kV	TransH V 110kV	Cấp chính xác 1,0 Thiết bị chuyên dụng để thử nghiệm độ bền điện môi tất cả các loại thiết bị điện cho các nhà máy điện, trạm biến áp, đường dây cáp điện áp đến 110kV	2002		01	421.792.029
19	Hộp bộ thí nghiệm cao áp xoay chiều tăng cao	PHENIX - 6TSA150	Cấp chính xác 0,5 Thiết bị TNHC để thử nghiệm cao thế tần số công nghiệp	2006	Mỹ	01	767.200.000



STT	Tên thiết bị	Nhãn hiệu	Mô tả tính năng	Năm SX	Nước/ Hãng SX	Số lượng	Giá trị (đồng)
	PHENIX - 6TSA150		tất cả các loại thiết bị điện cho các nhà máy điện, trạm biến áp, đường dây cấp điện áp đến 150kV				
20	Hợp bộ thí nghiệm cao áp xoay chiều tăng cao 110kV	HOM 100	Cấp chính xác 1,0 Thiết bị TNHC để thử nghiệm cao thế tần số công nghiệp tất cả các loại thiết bị điện cho các nhà máy điện, trạm biến áp, đường dây cấp điện áp đến 110kV	2002	Nga	01	106.666.667
21	Hợp bộ thí nghiệm cao áp xoay chiều/ một chiều tăng cao PGK70/2.5HB	BAUR PGK70/2.5HB	Cấp chính xác 1,0 Thiết bị TNHC để thử nghiệm cao thế xoay chiều và một chiều tất cả các loại thiết bị điện cho các nhà máy điện, trạm biến áp, đường dây cấp điện áp đến 35kV		Áo	01	196.641.270
22	Hợp bộ thí nghiệm cao áp xoay chiều/ một chiều tăng cao 50kV/70kV	AID 70	Cấp chính xác 1,0 Thiết bị TNHC để thử nghiệm cao thế xoay chiều và một chiều tất cả các loại thiết bị điện cho các nhà máy điện, trạm biến áp, đường dây cấp điện áp đến 35kV	2002	Nga	01	97.142.857
23	Hợp bộ thí nghiệm cao áp một chiều tăng cao 160kV	PHENIX - 4210-10	Cấp chính xác 1,0 Thiết bị TNHC để thử nghiệm cao thế một chiều tất cả các loại thiết bị điện cho các nhà máy điện,	2006	Mỹ	01	320.133.158



STT	Tên thiết bị	Nhãn hiệu	Mô tả tính năng	Năm SX	Nước/ Hãng SX	Số lượng	Giá trị (đồng)
			trạm biến áp, đường dây cấp điện áp đến 110kV				
24	Hợp bộ thí nghiệm cao áp xoay chiều tăng cao 120kV	PHENIX - 4210-5	Cấp chính xác 1,0 Thiết bị TNHC để thử nghiệm cao thế một chiều tất cả các loại thiết bị điện cho các nhà máy điện, trạm biến áp, đường dây cấp điện áp đến 110kV	2005	Mỹ	01	198.134.678
25	Hợp bộ máy chụp sóng phân tích máy cắt TM 1600/8	TM 1600/8	Cấp chính xác 0,5 Thiết bị TNHC tất cả các loại máy cắt điện cho các nhà máy điện, trạm biến áp, đường dây cấp điện áp đến áp đến 500kV	2003	Programmar - Thụy điển	01	251.461.842
26	Hợp bộ máy chịu song cắt điện SA100 - Đức	SA100	Cấp chính xác 0,5 Thiết bị TNHC tất cả các loại máy cắt điện cho các nhà máy điện, trạm biến áp, đường dây cấp điện áp đến 500kV	2006	WEI - Đức	01	403.381.278
27	Hợp bộ cầu đo tang delta BIDDLE 670065-47	Megger 670065-47	Cấp chính xác 1,0 Thiết bị TNHC đo điện dung và các tổn hao điện môi các loại thiết bị điện cho các nhà máy điện, trạm biến áp, đường dây cấp điện áp đến 500kV	2003 / 2006	Mỹ	02	490.847.078
28	Máy thử điện áp đánh thủng dầu cách điện	DTA-100E / AIM-90	Cấp chính xác 1,0 Thiết bị chuyên dụng thử nghiệm	2003/ 2005	Áo/ Nga	02	134.546.286



STT	Tên thiết bị	Nhãn hiệu	Mô tả tính năng	Năm SX	Nước/ Hãng SX	Số lượng	Giá trị (đồng)
	DTA-100E / AIM-90		dầu cách điện				
29	Máy đo hàm lượng ẩm trong khí SF6 - 303B	AMET EK-303B	Cấp chính xác 0,5 Thiết bị chuyên dụng thử nghiệm đo hàm lượng ẩm khí SF6	2005	Mỹ	01	84.626.285
30	Máy đo hàm lượng ẩm trong dầu KFM-2000	KFM-2000	Cấp chính xác 0,5 Thiết bị chuyên dụng thử nghiệm đo hàm lượng ẩm dầu cách điện, dầu tuabin, khí	2005	Áo	01	84.626.285
31	Máy quang phổ so màu TITOMETER-PFX880	TITOMETER-PFX880	Thiết bị chuyên dụng thử nghiệm dầu cách điện, dầu tuabin	2005	Anh	01	168.901.043
32	Máy đo độ bền oxy hóa dầu K12190	KOEHLER - K12190	Thiết bị chuyên dụng thử nghiệm dầu cách điện, dầu tuabin	2005	Mỹ	01	192.997.225
33	Máy lọc dầu E1400	E1400	Thiết bị chuyên dụng thử nghiệm dầu cách điện	2005	Anh	01	515.033.333
34	Hộp bộ kiểm định đo lường máy biến dòng điện/máy biến điện áp đến 35kV	SVT35/ HL19S/ HES 2B/ YY 50/ SL 4C	Cấp chính xác 0,2 Chuẩn đo lường dùng để hiệu chỉnh, kiểm định máy biến dòng điện/máy biến điện áp đến 35kV	2004	Trung Quốc	01	282.800.000
35	Hộp bộ kiểm định đo lường máy biến dòng điện/máy biến điện áp đến 220kV	HES - 1C/ BFJ-3	Cấp chính xác 0,2 Thiết bị chuyên dụng dùng để hiệu chỉnh, kiểm định máy biến dòng điện/máy biến điện áp cao áp đến	2007	Trung Quốc	01	282.800.000



STT	Tên thiết bị	Nhãn hiệu	Mô tả tính năng	Năm SX	Nước/ Hãng SX	Số lượng	Giá trị (đồng)
			220kV				
36	Bộ nguồn tạo áp cao thế cộng hưởng.Model CXZZ 160/80	Model CXZZ 160/80	Cấp chính xác 0,2 Thiết bị chuyên dụng dùng để hiệu chỉnh, kiểm định máy biến điện áp cao áp đến 220kV	2007	Trung Quốc	01	513.567.691
37	Máy biến điện áp mẫu HJQ-220kV	HJQ-220kV		2007	Trung Quốc	01	420.734.457
II Thiết bị, máy móc phục vụ Xây lắp điện							
1	Xe ô tô cầu tự hành 6 Tấn	LF1090 G	Cầu, chuyên 6 Tấn	2008	Hàn Quốc	01	657.142.858
2	Xe ô tô cầu tự hành 3,5 Tấn	ISUZU	Cầu, chuyên 3,5 Tấn	2005	Nhật	01	420.172.658
3	Xe tải / ben 6m3/4 tấn	FAW	Chuyên, ben 6m ³ /4 Tấn	2008	Trung Quốc	01	214.285.714
4	Máy tời 5 Tấn - động cơ nổ Diesel	TTD 5000	Kéo dây, dựng cột Dùng cho xây lắp nhà máy điện, trạm biến áp, đường dây đến 500kV	2007 / 2008	Việt Nam	03	94.900.000
5	Máy ép thủy lực 100 Tấn - động cơ nổ Diesel	ETD 100	Ép đầu cốt, ép nối đến dây 880mm ² Dùng cho xây lắp Nhà máy điện, Trạm biến áp, Đường dây đến 500kV	2007 / 2008	Việt Nam	02	98.500.000
6	Máy trắc đạc kỹ thuật điện tử Leica TPS 405	Leica TPS 405	Cấp chính xác 0,2 Trắc đạc kinh độ, vĩ độ, độ cao. Dùng cho xây lắp nhà máy điện, trạm biến áp, đường dây đến 500kV	2003 / 2008	Thụy Sĩ	02	86.142.858

(Nguồn: CTCP Kỹ thuật điện Sông Đà)

Máy móc thiết bị thí nghiệm của Công ty hầu hết đều là các thiết bị đặc chủng và được nhập khẩu từ nước ngoài. Đặc điểm của các thiết bị này là khấu hao nhanh tuy nhiên giá trị sử dụng lại kéo dài rất lâu. Hiện nay, tại SEEC có 17,2% thiết bị đã hết thời gian khấu hao với tổng giá trị là 3.196.751.740, đồng nhưng vẫn tiếp tục được sử dụng với hiệu quả cao.

Máy móc thiết bị phục vụ thi công của Công ty được chọn lựa kỹ lưỡng về công nghệ và tính năng sử dụng, do vậy các thiết bị này phát huy tính chuyên nghiệp và hiệu quả sử dụng rất cao, nâng cao năng suất lao động một cách rõ rệt.

Một số máy móc thiết bị tiêu biểu của SEEC



Xe công trình thí nghiệm cao áp TransHV 250kV



Máy biến điện áp mẫu HJQ-220kV



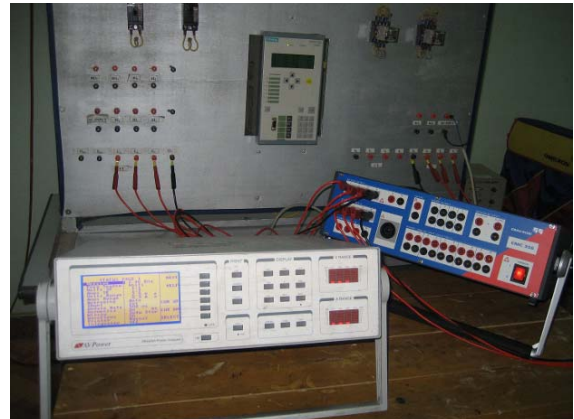
Hợp bộ kiểm định đo lường máy biến dòng điện/máy biến điện áp



Hợp bộ thí nghiệm Role CMC-356



Hộp bộ thí nghiệm Role KTS 3 pha PTE300-500



Hộp bộ đo lường điện tổng hợp 3 pha PA-4400

5.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ



Hiện tại, Công ty đang áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2000. Chính sách chất lượng của Công ty là: “Chất lượng sản phẩm xây lắp, tư vấn - giám sát, thí nghiệm hiệu chỉnh, ... luôn luôn đáp ứng, thỏa mãn yêu cầu của khách hàng và luật định là sự tồn tại và phát triển bền vững của Công ty”.

Lãnh đạo Công ty cam kết:

- Cung cấp đầy đủ các nguồn lực và điều kiện cần thiết để thực hiện và duy trì có hiệu lực, hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng phù hợp yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 9001:2000;
- Tuân thủ các quy trình quản lý, các quy trình nghiệp vụ và thường xuyên cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng;
- Quan hệ chặt chẽ với khách hàng nhằm đáp ứng và thỏa mãn mọi nhu cầu, mong đợi của khách hàng;
- Đảm bảo mọi cán bộ công nhân viên và người lao động trong Công ty đều hiểu biết về Hệ thống quản lý chất lượng, được đào tạo thích hợp, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề, kinh nghiệm, có đủ năng lực cần thiết để thực hiện công việc được giao;
- Chăm lo đến đời sống và nguyện vọng của mọi CBCNV và người lao động trong Công ty;
- Đảm bảo an toàn trong lao động;

- Đảm bảo môi trường trong khu vực sản xuất, kinh doanh luôn luôn sạch, đẹp.

Dấu ấn chất lượng cho Công ty là Phòng thí nghiệm của Công ty được công nhận là thành viên của Hệ thống công nhận phòng thí nghiệm Việt Nam (**VILAS**) - thành viên đầy đủ của hệ thống công nhận phòng thí nghiệm Châu Á - Thái Bình Dương (**APLAC**) và Hệ thống công nhận phòng thí nghiệm quốc tế (**ILAC**) theo: ISO/IEC-17025:2005. Hiện nay, tính trên toàn Việt Nam, chỉ có 2 trung tâm thí nghiệm điện được công nhận và cấp chứng chỉ Phòng thí nghiệm phù hợp ISO/IEC-17025:2005.

Ngoài ra, để thực hiện từng bước quá trình hội nhập Quốc tế về tiêu chuẩn đo lường, Công ty đã chú trọng nghiên cứu các khuyến nghị, mô hình tổ chức và liên kết theo Tổ chức đo lường pháp quyền Quốc tế mà Việt Nam là một thành viên. Công ty đã đi tắt đón đầu, tích cực trang bị thiết bị Kiểm định đo lường có cấp chính xác cao và đào tạo đội ngũ Kiểm định viên đo lường phù hợp với các yêu cầu đặt ra.

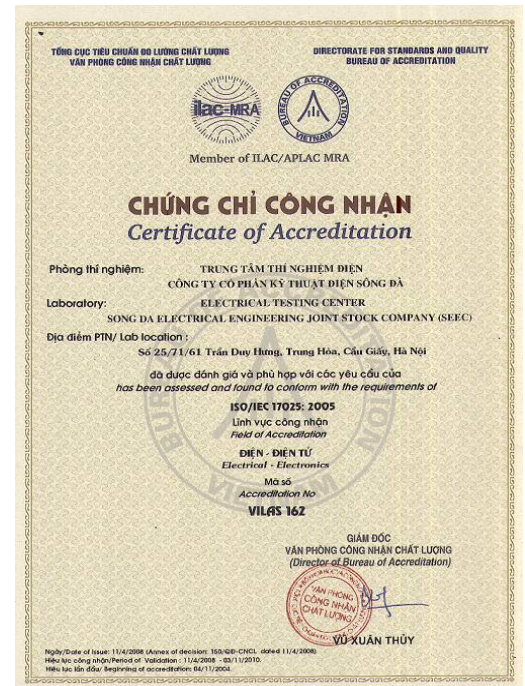
Đến ngày 17/03/2008, Công ty được Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng Việt Nam cấp chứng chỉ Công nhận khả năng kiểm định phương tiện đo số 270/QĐ-TĐC: máy biến dòng điện đo lường, máy biến điện áp đo lường có cấp chính xác đến 0,2 và cấp điện áp đến 220kV (số hiệu N146). Đây là một điều kiện hết sức quan trọng, khẳng định vị trí dẫn đầu của Công ty trong thị trường Thí nghiệm điện tại Việt Nam (hiện nay, chỉ có 2 Trung tâm thí nghiệm điện trên cả nước được Tổng cục Đo lường chất lượng cấp chứng chỉ này) cũng như tạo bước đột phá cho Công ty trong quá trình hội nhập vào hệ thống đo lường pháp quyền thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng.

5.7 Hoạt động Marketing

Trong định hướng và giải pháp cụ thể thực hiện kế hoạch của Công ty từ năm 2007 đến năm 2010, Công ty có những chiến lược nâng cao chất lượng, phát triển các ngành nghề thế mạnh truyền thống và trọng tâm, Công ty đã mở rộng ngành nghề liên quan trực tiếp đến thế mạnh sẵn có của mình.

Để đạt được mục tiêu, định hướng trên, Công ty đã xác định hoạt động Marketing là hoạt động quan trọng hàng đầu và phải được quan tâm thường xuyên. Công ty không ngừng quảng bá sản phẩm, thương hiệu, hình ảnh của Công ty thông qua nhiều hình thức khác nhau:

- Giới thiệu hình ảnh nghề nghiệp, năng lực Công ty trên Catalogue của mình, trên Tập san của Hiệp hội Năng lượng Việt Nam, Tập san Tiêu chuẩn đo lường chất lượng Việt Nam, Tập san Sông Đà và các phương tiện thông tin khác;
- Giới thiệu hình ảnh nghề nghiệp, năng lực Công ty bằng các dịch vụ đi kèm như Tư vấn kỹ thuật,



xử lý miễn phí các vướng mắc kỹ thuật của các công trình mà những đơn vị thực hiện các dịch vụ kỹ thuật cho công trình đó không thể giải quyết được. Với đội ngũ Cán bộ - Kỹ sư hùng hậu và có bề dày kinh qua các Công trình thủy điện lớn, Công ty đã tư vấn miễn phí cho các Chủ đầu tư về chuyên ngành Kỹ thuật điện cho quản lý xây dựng nhà máy điện, hệ thống điện - điện tử và tự động hoá, bao gồm cả công tác đồng bộ thiết kế, đồng bộ thiết bị, lập sơ đồ khởi động và thử đồng bộ thiết bị cho các nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ công nghiệp. Đảm bảo thông suốt quá trình lắp đặt, thử nghiệm đưa nhà máy vào vận hành đạt và vượt tiến độ đã đề ra. Đặc biệt, Công ty còn tư vấn cho Chủ đầu tư về trang bị hệ thống thông tin - viễn thông, hệ thống SCADA/EMS, hệ thống đo đếm điện năng và truyền dữ liệu từ xa để công trình sẽ hoàn thành đồng bộ các hệ thống này cùng với tổ máy đầu tiên của nhà máy, có đủ điều kiện được cấp Giấy phép hoạt động điện lực và phát điện thương mại nhà máy;

- Cung cấp chế độ hậu mãi cho các dịch vụ do mình cung cấp một cách miễn phí, kịp thời, hiệu quả.

Công ty đã và đang triển khai việc quảng bá sản phẩm, thương hiệu, hình ảnh của Công ty thông qua trang web điện tử, tờ rơi và các phương tiện thông tin đại chúng khác. Với chiến lược phát triển bền vững, trong thời gian tới, Công ty sẽ chú trọng hơn nữa trong việc phát triển thương hiệu SEEC, để hình ảnh Công ty ngày một trở nên quen thuộc hơn với khách hàng và các đối tác.

5.8 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo:



Công ty sử dụng lô gô của Tổng Công ty Sông Đà, bên dưới có hàng chữ “SEEC” theo Hợp đồng sử dụng nhãn hiệu hàng hoá “TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ” số 33/2008/HĐ-TCT-SEEC giữa Tổng Công ty Sông Đà và Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà.

Biểu tượng của Tổng Công ty Sông Đà đã được Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 60204 theo Quyết định số A1024/QĐ-ĐK ngày 16/02/2005.

Nhãn hiệu “Sông Đà” theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 66125 theo quyết định số A9294/QĐ-ĐK ngày 24/8/2005 của Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ và các nhãn hiệu theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 66123 và 66124.

5.9 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã ký kết

Bảng 10. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

Stt	Tên hợp đồng/Số hợp đồng	Ngày ký	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tác	Trị giá (triệu đồng)
1	04/2006/BĐH/HĐ XL-SD11	01/03/2006	Thí công lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành nhà máy thủy điện Tuyên Quang	2006-2009	Ban ĐHDA thủy điện Tuyên Quang	34.552
2	51/2007/HĐ-TCTSD- KTĐ:	21/11/2007	Lắp đặt, thí nghiệm-hiệu chỉnh đưa vào vận hành thiết bị điện Nhà máy, Trạm biến áp nâng áp 220KV- Công trình thủy điện Nậm Chiến 1	2009-2011	Tổng Công ty Sông Đà	26.000
3	05-HĐ-XD/BĐH XMHL/2008-KTĐ SĐ	10/07/2008	Xây dựng, Lắp đặt, Thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành thiết bị Nhà máy xi măng Hạ Long	2008-2010	Ban ĐHDA xi măng Hạ Long	20.396
4	10/2009/HĐ-HĐ110KV	11/8/2009	Cung cấp vật tư, thiết bị xây , lắp đặt thiết bị hoàn chỉnh và thí nghiệm hiệu chỉnh phần đường dây 110KV – Nhà máy thủy điện Hương Điền	2009-2010	Công ty Cổ phần Đầu tư Hương Điền	11.547
5	08/CT/HĐKT/2007	05/07/2007	Thí công xây lắp công trình thủy điện ĐaksRông- Đường dây và Trạm biến áp 110kV	06/2008-12/2009	Công ty Cổ phần Sông Đà 11	10.822
6	01/2009/HĐ-HĐTN	14/02/2009	Thí công thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị đưa vào vận hành	2009-2010	Công ty Cổ phần Đầu tư Hương Điền	9.759

Stt	Tên hợp đồng/Số hợp đồng	Ngày ký	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tác	Trị giá (triệu đồng)
			tuyến Năng Lượng- Nhà máy thủy điện Hương Điền			
7	02CT/2008/HĐKT-XL	08/7/2008	Thi công xây lắp đường dây 220KV thuộc dự án đường dây 220KV Sê San 4- Pleiku	2008-2009	Công ty Cổ phần Sông Đà 11- Thăng Long	8.000
8	02/NC2/2009/HDT B	26/4/2009	Thi công lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống thông tin viễn thông – SCADA/EMS công trình thủy điện Nậm Chiến 2	2009-2010	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc	7.000
9	17CT/HĐKT	25/4/2008	Thi công xây lắp công trình đường dây 220KV- Dốc Sỏi- Quảng Ngãi	2008-2009	EVN/Công ty Cổ phần Sông Đà 12	6.947
10	241/2008/BDALD-KTSD “Xây lắp TBA 110KV Vĩnh Tường	30/12/2008	Xây lắp, thí nghiệm hiệu chỉnh trạm biến áp 110KV Vĩnh Tường và nhánh rẽ dự án SEIER VN 3680	2008-2009	Công ty Điện lực I-Ban QLDA lưới điện - EVN	6.463
11	67C/2008/HĐXL AMT-KH	01/12/2008	Xây lắp, thí nghiệm hiệu chỉnh 02 ngăn xuất tuyến 220 kV tại trạm biến áp 500KV Pleiku, Công trình đường dây 220KV Sê San 4- Pleiku	2008-2009	Ban QLDA các công trình điện Miền Trung - EVN	5.381
12	11/2009/HĐKT	01/6/2009	Thi công lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống điện- Nhà	2008-2009	Công ty Cổ phần SOMEKO Sông Đà	5.324

Stt	Tên hợp đồng/Số hợp đồng	Ngày ký	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tác	Trị giá (triệu đồng)
			máy thủy điện Hương Sơn			
13	31/09/HDTN/S3-SĐ	14/9/2009	Lắp đặt và thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành hệ thống điện nhà máy thủy điện Krông H'nhăng - Phú Yên	2009-2010	Công ty Cổ phần Đầu tư Sông Ba - PC3/EVN	2.560

(Nguồn: CTCP Kỹ thuật điện Sông Đà)

6. Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của SEEC

Bảng 11. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động SXKD của SEEC

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008		9 tháng đầu năm 2009
		Giá trị	% tăng giảm so với năm 2007	
Tổng giá trị tài sản	29.247.236.145	53.002.112.147	81,22	57.187.616.858
Tài sản ngắn hạn	21.367.182.328	40.002.889.945	87,22	44.402.096.095
Tài sản dài hạn	7.880.053.817	12.999.222.202	64,96	12.785.520.763
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.523.266.948	41.843.509.462	103,88	24.875.815.333
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.913.099.732	5.421.958.715	183,41	1.479.448.050
Lợi nhuận khác	16.737.851	-	-	181.818

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008		9 tháng đầu năm 2009
		Giá trị	% tăng giảm so với năm 2007	
Lợi nhuận trước thuế	1.929.837.583	5.421.958.715	180,95	1.479.629.868
Lợi nhuận sau thuế ⁶	1.384.758.060	4.129.199.490	198,19	1.220.694.641
Tỷ lệ cổ tức	12,5 ⁷	16	-	-

(Nguồn: CTCP Kỹ thuật điện Sông Đà)

Bước sang năm 2008, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bước đầu đi vào ổn định. Cùng với đó, uy tín của SEEC ngày càng được các đối tác biết đến và được khẳng định thông qua những công trình mà Công ty đã và đang thực hiện. Do đó, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2008 có sự tăng trưởng rõ rệt so với năm 2007.

Tổng tài sản của năm 2008 tăng 81,22% so với năm 2007 là do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Công ty hoàn thành đợt tăng vốn từ 5 tỷ đồng lên hơn 15 tỷ đồng;
- Một số hợp đồng lớn được ký mới trong năm 2008 nên phát sinh thêm các khoản phải thu khách hàng (khoản phát sinh thêm có giá trị gần 14 tỷ đồng);
- Công ty tiếp tục đầu tư vào máy móc thiết bị, theo đó giá trị tài sản cố định trong năm 2008 cũng tăng gần 5 tỷ so với năm 2007.

Doanh thu thuần và lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như lợi nhuận trước thuế của Công ty đều tăng trưởng mạnh mẽ so với năm 2007. Trong đó, tốc độ tăng trưởng lợi nhuận lớn hơn so với tốc độ tăng trưởng doanh thu. Điều này là do, trong năm 2008, Công ty đẩy mạnh hoạt động Lắp đặt, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện là hoạt động có nồng độ chất xám và tỷ suất lợi nhuận cao.

6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm báo cáo:

Thuận lợi

Trong năm 2008 sản lượng toàn Công ty tăng mạnh so với năm 2007, do những nguyên nhân chủ yếu sau:

- Trong năm Công ty đã đẩy mạnh công tác tiếp thị đấu thầu và đã trúng thầu được 06 công trình với giá trị kinh tế hơn 40 tỷ đồng, như: Hợp đồng Thí nghiệm lắp đặt nhà máy xi măng Hạ Long, Hợp đồng thi công xây lắp đường dây 110kV Krông-Chro và mở rộng trạm biến áp An Khê, Hợp đồng thi công đường dây 220kV Dốc Sỏi –Quảng Ngãi....;
- Công ty cũng đã tăng cường quảng bá sản phẩm, thương hiệu của Công ty trên thương trường,

⁶ SEEC được giảm 30% Thuế thu nhập Doanh nghiệp phải nộp của quý IV và cả năm 2009 theo Thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009.

⁷ Năm 2007, Công ty chi trả cổ tức 12,5% cho 10 tháng hoạt động (01/03/2007 đến 31/12/2007).

khẳng định vị thế của Công ty bằng chất lượng sản phẩm, dịch vụ, uy tín và giá thành hạ;

Cũng trong năm 2008, Doanh số bán hàng toàn Công ty tăng 204% so với năm 2007 là do Công ty đã thực hiện đúng tiến độ và đưa vào sản xuất một số các công trình sau:

- Hoàn thành công tác lắp đặt thí nghiệm hiệu chỉnh công trình nhà máy thủy điện Tuyên Quang, đưa tổ máy số 2 và số 3 hoà vào lưới điện quốc gia đúng tiến độ;
- Thi công lắp đặt , thí nghiệm hiệu chỉnh Trạm nghiên Hiệp Phước công trình Nhà máy Xi măng Hạ Long;
- Hoàn thành công tác lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh đưa nhà máy thủy điện Krong –Kmar hoà lưới điện quốc gia đúng tiến độ;
- Thi công công trình đường dây 110kV Krông –Chro và mở rộng trạm biến áp An Khê, theo đúng tiến độ hợp đồng;
- Bên cạnh đó, Công ty cũng đã hoàn thành thi công đúng tiến độ đã cam kết với chủ đầu tư một số các công trình khác như: Công trình đường dây 220kV Đốc Sỏi –Quảng Ngãi, Công trình ngăn xuất tuyến tại trạm 500kV Pleiku, Công trình xây dựng đường dây 220kV Sê San 4-Peiku.

Trong năm 2008, công tác thu hồi vốn từ năm 2007 đã được đẩy mạnh, các cán bộ trong công cơ quan công ty thường xuyên bám sát công trình, bám sát chủ đầu tư giải quyết kịp thời các vướng mắc để đẩy nhanh tốc độ thu vốn.

Cũng trong năm 2008, Công ty đã thực hiện việc tăng vốn điều lệ từ 5 tỷ đồng lên trên 15 tỷ đồng. Việc tăng vốn này đã giúp Công ty giải quyết được vốn lưu động cho các công trình, đồng thời giảm bớt gánh nặng lãi vay. Điều đó giúp cho lợi nhuận năm 2008 tăng lên đáng kể.

Khó khăn

Trong nửa đầu năm 2008, tình hình kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn khi lạm phát tăng cao, đã đẩy các chi phí đầu vào của Công ty tăng cao (*lãi suất huy động vốn đã có lúc tăng đến 21%/ năm*) điều này đã gây ít nhiều khó khăn cho đơn vị trong việc huy động vốn từ các ngân hàng. Đến nửa cuối năm 2008, cũng như các doanh nghiệp cùng hoạt động trong nền kinh tế, Công ty lại đối mặt với sự suy giảm kinh tế.

Giá nguyên vật liệu, giá xăng dầu liên tục tăng cao cũng đã gây khó khăn cho Công ty trong việc thực hiện tiến độ thi công.

Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ công nhân viên đông đảo song vẫn còn một số chưa đáp ứng được yêu cầu công việc đã làm cho chi phí quản lý của Công ty có sự gia tăng đáng kể.

7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1. Vị thế của SEEC trong ngành

Được thành lập từ năm 2002 với tiền thân là Trung tâm Thí nghiệm điện trực thuộc Tổng Công ty Sông Đà và chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ đầu năm 2007, Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà là một trong những doanh nghiệp trẻ hoạt động trong lĩnh vực Lắp đặt thiết bị điện và Thí nghiệm - hiệu chỉnh điện. Tuy nhiên, với nỗ lực không ngừng và nắm bắt được nhu cầu của thị trường, hiện nay Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà đã trở thành một trong những điểm sáng của ngành về sức sáng tạo và năng lực chuyên môn cao.

Cùng với việc Tổ chức công nhận Phòng thí nghiệm hợp chuẩn Châu Á-Thái Bình Dương (APLAC) và Quốc tế (ILAC) công nhận Phòng thí nghiệm điện - Trung tâm thí nghiệm điện của Công ty phù hợp chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025-2005 (số hiệu VILAS 162), Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng Việt Nam cấp Chứng chỉ Công nhận khả năng kiểm định phương tiện đo lường điện đến cấp 220kV (số hiệu N146), SEEC trở thành 1 trong 2 đơn vị duy nhất trong toàn ngành đạt được các chứng chỉ này.

Bên cạnh đó, về mặt thực tiễn, SEEC đã tạo được vị thế của mình khi đã hoàn thành xuất sắc công tác Đồng bộ thiết kế, Đồng bộ thiết bị, Lắp đặt và Thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành các Nhà máy thủy điện lớn như Sê San 3 (240MW-15,75/220kV) - 2006, Sê San 3A (108MW-13,8/220kV) - 2007, Tuyên Quang (342MW-13,8/220kV) - 2008 đạt và vượt tiến độ yêu cầu đề ra với nhiều sáng kiến cải tiến, làm chủ nhiều công nghệ lập trình phần mềm điều khiển tự động, kết nối toàn bộ hệ thống thiết bị điện từ các hệ thống thiết bị phụ, thiết điện bị tổ máy đến trạm biến áp 220KV phân phối. Nhờ đó uy tín của Công ty ngày một lan rộng, ngành nghề Công ty được nhiều người biết đến, mạng lưới khách hàng được phát triển vượt ra khỏi phạm vi trong Tổng Công ty Sông Đà.

Hiện nay, ngoài Tổng Công ty Sông Đà và các đơn vị thành viên, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), các đơn vị thành viên trong Tập đoàn và các Chủ đầu tư khác ở cả 2 miền Nam Bắc đã trở thành những khách hàng thân thuộc của SEEC. Điều này tạo cho SEEC sự tự tin trong từng chặng đường phát triển đi lên, tạo cho SEEC nhiều cơ hội mở rộng thị trường ngành nghề truyền thống cũng như sự tăng trưởng doanh thu bền vững.

Với sự tin nhiệm cao, Tổng Công ty Sông Đà đã tin tưởng giao cho Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà thi công phần việc Lắp máy và Thí nghiệm - hiệu chỉnh điện tất cả các công trình Tổng Công ty tham gia làm chủ đầu tư hoặc tổng thầu. Cụ thể như sau:

Bảng 12. Một số công trình Tổng Công ty giao cho SEEC

thực hiện Lắp đặt và hiệu chỉnh thiết bị điện

STT	Tên Công trình	Công suất	Dự kiến tiến độ thi công	Giá trị hợp đồng dự kiến (tỷ đồng)	
				Hạng mục thí nghiệm hiệu chỉnh	Lắp đặt thiết bị điện
1.	Thủy điện Xêkaman1	290 MW - 220kV	2010 - 2014	25	15
2.	Thủy điện Xêkaman3	120 MW - 220kV	2010 - 2014	15	10
3.	Thủy điện Bảo Lâm	160 MW - 220kV	2011 - 2014	20	12
4.	Thủy điện Sê kông 3 (thượng và hạ lưu)	248 MW - 220kV (TL: 152 MW; HL: 96 MW)	2011 - 2016	26	18
5.	Thủy điện Xêkaman 4	220 MW - 220kV	2012 - 2015	23	13
6.	Thủy điện Đak Emoule	110MW - 220kV (Đak Emoule 1: 65 MW; Đak Emoule 2: 45 MW)	2013 - 2015	14	11
7.	Thủy điện Luang Pharbang	1.400 MW	2014 - 2017	60	40
8.	Thủy điện Sêbang Miêng 1 và 2	100 MW	2014 - 2016	12	9
	Tổng cộng			195	128

(Nguồn: Quyết định số 174 TCT/HĐQT ngày 18/08/2008 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sông Đà về việc Dự kiến phân chia công việc cho các đơn vị thi công các công trình mới)

7.2. Triển vọng phát triển của ngành, sự phù hợp định hướng phát triển của SEEC với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên Thế giới

Lĩnh vực hoạt động và định hướng phát triển của Công ty phù hợp với chiến lược phát triển của nền kinh tế nói chung và của ngành điện nói riêng. Theo định hướng chiến lược mà Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 5 tháng 10 năm 2004 về phát triển nguồn điện, hệ thống lưới điện cần phải được chú trọng để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; đảm bảo an ninh, quốc phòng của đất nước trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế; đáp ứng nhu cầu điện cho sinh hoạt của nhân dân; đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia. Bên cạnh đó, theo dự báo của Viện năng lượng tốc độ tăng trưởng điện sản xuất trong giai đoạn 2006 - 2010 sẽ là 16,1% và tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm cũng tương ứng là 16,3%. Đây là những tiền đề rất thuận lợi để Công ty đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh

doanh, tiếp tục tăng trưởng ổn định.

Ngoài ra, nền kinh tế Việt Nam đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhu cầu về điện năng đang ngày một tăng cao. Như vậy, với định hướng phát triển của ngành điện cũng như nhu cầu phát triển nội tại của nền kinh tế, triển vọng của ngành cũng như của SEEC là tương đối khả quan.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1. Số lượng người lao động trong SEEC và cơ cấu lao động

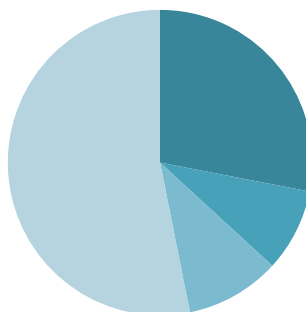
Tính đến thời điểm 30/09/2009, Công ty có 239 cán bộ công nhân viên trong đó có hơn 60 kỹ sư chuyên ngành điện - điện tử, công nghệ thông tin, cơ khí và hoá dầu và hơn 100 công nhân kỹ thuật điện lành nghề.

Bảng 13. Cơ cấu lao động của Công ty
(Tại thời điểm 30/09/2009)

Stt	Loại hình lao động	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Phân chia theo giới tính			
1.	Lao động nam	213	89,12
2.	Lao động nữ	26	10,88
Tổng cộng		239	100,00
Phân chia theo trình độ học vấn			
1.	Trên Đại học và Đại học	67	28,03
2.	Cao Đẳng	21	8,79
3.	Trung cấp	24	10,04
4.	Công nhân kỹ thuật và lao động khác	127	53,14
Tổng cộng		239	100,00

(Nguồn: CTCP Kỹ thuật điện Sông Đà)

CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO TRÌNH ĐỘ
 (tại thời điểm 30/09/2009)



■ Trên Đại học và Đại học ■ Cao Đẳng
■ Trung cấp ■ Công nhân kỹ thuật và lao động khác

Bảng 14. Nhân lực Kỹ thuật - Công nghệ của SEEC

Stt	Họ Tên	Trình độ	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm chuyên môn	Ghi chú
A Lĩnh vực Thí nghiệm hiệu chỉnh điện					
I Chuyên gia / Kỹ sư trưởng - Lĩnh vực Thí nghiệm hiệu chỉnh điện					
1	Võ Văn Tập	Đại học	Kỹ sư điện kỹ thuật	Thí nghiệm điện	07 năm
2	Nguyễn Văn Hùng	Đại học	Kỹ sư tự động hoá	Thí nghiệm điện	07 năm
3	Lê Vĩnh Khang	Đại học	Kỹ sư điện kỹ thuật	Thí nghiệm điện	07 năm
4	Võ Văn Anh Tuấn	Đại học	Kỹ sư điện tử viễn thông	Thí nghiệm điện	06 năm
II Kỹ thuật viên - Lĩnh vực Thí nghiệm hiệu chỉnh điện					
1	Ngô Minh Tuấn	Đại học	Kỹ sư điện kỹ thuật	Thí nghiệm điện, kiểm định	06 năm
2	Nguyễn Đức Thịnh	Đại học	Kỹ sư điện	Thí nghiệm điện, kiểm định	07 năm
3	Lê Kim Công	Đại học	Kỹ sư thiết bị điện điện tử	Thí nghiệm điện	06 năm
4	Nguyễn Văn Cần	Đại học	Kỹ sư điện kỹ thuật	Thí nghiệm điện	04 năm
5	Nguyễn Quang Huy	Đại học	Kỹ sư điện	Thí nghiệm điện	04 năm
B Kỹ sư trưởng - Lĩnh vực Xây lắp điện					
1	Hà Ngọc Dũng	Đại học	Kỹ sư tự động hoá	Xây lắp điện	08 năm

Stt	Họ Tên	Trình độ	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm chuyên môn	Ghi chú
2	Phạm Đức Phi	Đại học	Kỹ sư điện khí hoá xí nghiệp	Giám sát thi công xây dựng công trình điện	12 năm

(Nguồn: CTCP Kỹ thuật điện Sông Đà)

8.2. Chính sách đối với người lao động

Công ty thực hiện nghiêm túc và đầy đủ những quy định về an toàn và bảo hộ lao động. Với mục tiêu tránh không để xảy ra tai nạn lao động, Công ty nghiêm túc kiểm tra việc chấp hành, tuân thủ các quy tắc an toàn lao động. Hàng năm, người lao động trong Công ty được huấn luyện kỹ lưỡng về an toàn lao động, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội...

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống bảng lương dựa theo tính chất công việc. Đối với công nhân trực tiếp sản xuất, lương được tính theo khối lượng sản phẩm hoàn thành trong tháng. Đối với cán bộ công nhân viên gián tiếp, nghiệp vụ hưởng lương theo công việc và căn cứ vào trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.

Xác định nhân lực là nhân tố quan trọng đối với sự phát triển của Công ty, SEEC đã đề ra kế hoạch phù hợp để xây dựng và đào tạo nguồn nhân lực đủ về lượng, mạnh về chất; Công ty chú trọng bồi dưỡng, phát triển và thu hút đội ngũ trí thức, sinh viên giỏi mới ra trường, các chuyên gia có trình độ cao. Với đặc thù công việc đòi hỏi chất xám cao, Công ty luôn khuyến khích đội ngũ CBCNV trau dồi kiến thức, không ngừng học hỏi, sáng tạo. Bên cạnh đó, Công ty dành những ưu đãi thích hợp, hỗ trợ về nhà ở, tuyển dụng và sử dụng các hình thức đãi ngộ khác để thu hút nhân tài về cho Công ty.

Công ty có quy chế đào tạo và nâng bậc lương cụ thể cho CBCNV. Với chủ trương đào tạo và nâng bậc là công tác thường xuyên của đơn vị nhằm bồi dưỡng, đổi mới đội ngũ cán bộ công nhân theo hướng phát triển của đơn vị, nâng cao năng lực, nâng cao đời sống người lao động, Công ty đã áp dụng nhiều hình thức đào tạo như:

- Cử cán bộ, công nhân đi đào tạo và chịu kinh phí gửi đến các trường trong nước và ngoài nước có ngành nghề chuyên môn phù hợp theo định hướng phát triển của Công ty;
- Hỗ trợ một phần kinh phí, tạo thời gian để CBCNV tự tham gia chuyên tu đào tạo;
- Hỗ trợ một phần kinh phí và cử CBCNV đi đào tạo ngoài giờ hành chính;
- Tổ chức và cung cấp kinh phí đào tạo tại chỗ thông qua việc Bậc kỹ thuật trên đào tạo, kèm cặp theo tiêu chí định sẵn cho Bậc kỹ thuật dưới

Bên cạnh đó, Công ty áp dụng chính sách khen thưởng, kỷ luật hợp lý, khuyến khích các cá nhân đưa ra sáng kiến tiết kiệm chi phí, nghiên cứu áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật... Đồng thời Công ty cũng nghiêm khắc kỷ luật những cá nhân vi phạm các quy định của Công ty, gây thiệt hại về kinh tế,

ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh. Nhìn chung, chính sách khen thưởng, kỷ luật của Công ty đã góp phần thúc đẩy, động viên CBCNV hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

9. Chính sách cổ tức

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng Quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của năm kế tiếp.

Căn cứ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2008, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho năm 2008 với tỷ lệ là 16% bằng tiền mặt.

10. Tình hình hoạt động tài chính

10.1. Trích khấu hao tài sản cố định

SEEC thực hiện việc trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định. Số năm khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

Tài sản	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác	03 - 08 năm

10.2. Mức lương bình quân

Bảng 15. Mức lương bình quân của CBCNV Công ty

Tổng cộng	Năm 2007 (đồng)	Năm 2008 (đồng)	9 tháng đầu năm 2009 (đồng)
Thu nhập bình quân/người/tháng	2.948.000	3.387.000	3.548.000

(Nguồn: CTCP Kỹ thuật điện Sông Đà)

10.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn.

10.4. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế và các khoản phải nộp khác theo quy định của Nhà nước.

10.5. Trích lập các quỹ theo luật định

Căn cứ vào kết quả kinh doanh hàng năm, Hội đồng Quản trị đề xuất và ĐHĐCĐ quyết định trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ dự trữ, quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi.

Căn cứ vào Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2008, Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ như sau:

Quỹ Đầu tư phát triển:	1.053.715.567 đồng
Quỹ Dự phòng tài chính:	206.459.975 đồng
Quỹ Khen thưởng phúc lợi:	412.919.949 đồng

Bảng 16. Tình hình số dư tại các Quỹ

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	30/09/2009
Quỹ Đầu tư phát triển	499.814.959	443.806.448	1.487.215.215
Quỹ Dự phòng tài chính	68.459.703	138.475.806	344.935.781
Quỹ Khen thưởng phúc lợi	98.719.407	(108.574.195)	93.875.754

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, BCTC quý III năm 2009 của Công ty)

Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà được thành lập vào 14/02/2007. Tại thời điểm thành lập, số dư Quỹ Khen thưởng phúc lợi bằng 0. Do đó, trong năm 2007 Công ty tạm phân phối vào Quỹ Khen thưởng là 136.919.407 đồng. Tổng số tiền chi từ Quỹ Khen thưởng phúc lợi trong năm 2007 là 38.200.000 đồng. Do đó số dư chuyển sang năm 2008 là 98.719.407 đồng.

Do năm 2007 là năm đầu chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần nên lợi nhuận sau thuế của Công ty chỉ đạt 1.384.758.060 đồng. Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ trong năm 2008, Công ty chỉ phân phối thêm 1.556.399 đồng lợi nhuận năm 2007 (tổng số lợi nhuận trích vào Quỹ Khen thưởng phúc lợi là 138.475.806 đồng). Tuy nhiên, do số lượng CBCNV trong Công ty tương đối lớn (gần 300 CBCNV) nên nhu cầu cho công tác khen thưởng phúc lợi trong Công ty là khá lớn. Theo đó, tổng số tiền đã chi từ Quỹ Khen thưởng phúc lợi trong năm 2008 là 208.850.000 đồng. Do đó, tại ngày 31/12/2008 Quỹ Khen thưởng phúc lợi của Công ty có số dư âm (-) 108.574.195 đồng.

Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm tài chính 2008, trong năm 2009, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2008 vào Quỹ Khen thưởng phúc lợi là 412.919.949 đồng. Theo đó, số dư Quỹ Khen thưởng phúc lợi tại ngày 30/09/2009 là hơn 93 triệu đồng.

10.6. Tổng dư nợ vay

Chi tiết các khoản vay của Công ty tại ngày 31/12/2008

Đơn vị: đồng

Stt	Tên Ngân hàng, cá nhân, tổ chức cho vay	Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Tổng Giá trị hợp đồng	Dư nợ tại ngày 31/12/2008
A	Vay và nợ ngắn hạn				19.382.237.000	15.486.145.718
1	NHĐT&PT VN - Chi nhánh Đông Đô	01.158232 4.08/H ĐTDHM	Từ 06 đến 09 tháng từng khế ước nhận nợ cụ thể	theo lãi suất tại thời điểm từng lần rút vốn	11.000.000.000	9.363.872.124
2	NHNN&PTNT Chi nhánh Hoàng Mai	1240LAY2 00800544	Từ 06 đến 09 tháng từng khế ước nhận nợ cụ thể	theo lãi suất tại thời điểm từng lần rút vốn	6.000.000.000	4.040.036.594
3	NHTMCP Quân đội Chi nhánh Đà Nẵng	02/280413/ 2008/NHQ Đ.VT/H ĐTD 03	06 tháng	12,750%/năm	300.000.000	300.000.000
4	NHTMCP Sài Gòn Công thương	281/2008/ HĐTĐA- DN	06 tháng	1,500%/tháng	600.000.000	300.000.000
5	NH NN&PTNT Chi nhánh Đà Nẵng	- 2000LAY2 00800544	06 tháng	1,500%/tháng	600.000.000	600.000.000
6	Vay cá nhân ⁸		-	-	882.237.000	882.237.000
B	Vay và nợ dài hạn				7.691.000.000	2.745.467.894
1	NHĐT&PT VN - Chi nhánh Đông Đô	02.158232 4/H ĐTDTH	Tháng 06/2011	theo lãi suất tại thời điểm từng lần rút vốn	2.420.000.000	795.324.055
2	NH NN&PTNT chi nhánh Tây Hà Nội	11040031/ H ĐTD	Tháng 08/2010	0,750%/tháng	4.671.000.000	1.360.143.839

⁸ Thời hạn và lãi suất vay thay đổi theo Hợp đồng tín dụng ký với từng cá nhân.

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN SÔNG ĐÀ



Stt	Tên Ngân hàng, cá nhân, tổ chức cho vay	Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Tổng Giá trị hợp đồng	Dư nợ tại ngày 31/12/2008
3	NHTM Sài Gòn Công thương	282/2008/H ĐTĐA-DN	28/11/2010	1,375%/tháng	600.000.000	590.000.000
Tổng cộng					27.073.237.000	18.231.613.612

(Nguồn: CTCP Kỹ thuật điện Sông Đà)

Chi tiết các khoản vay của Công ty tại ngày 30/09/2009

Đơn vị: đồng

Stt	Tên Ngân hàng, cá nhân, tổ chức cho vay	Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất (%/tháng)	Tổng Giá trị hợp đồng	Dư nợ tại ngày 30/09/2009
A	Vay và nợ ngắn hạn				33.855.625.000	13.488.279.161
1	NHĐT&PT VN - Chi nhánh Đông Đô	1582324.20 09/HĐTĐH M	31/3/2010	0,875	14.000.000.000	3.091.903.491
2	NHNN&PTNT Chi nhánh Hoàng Mai	1240LAV2 00900703	22/5/2010	0,875	12.000.000.000	7.016.321.408
3	NHNN&PTNT Chi nhánh Láng Hạ	2000LAY2 00800544	08 tháng	0,875	6.000.000.000	1.524.429.262
4	NHTMCP Sài Gòn Công thương	280/2008/H ĐTĐA-DN	06 tháng	1,500	600.000.000	600.000.000
5	NH NN&PTNT Chi nhánh Đà Nẵng	- 2000LAY2 00800544	06 tháng	0,875	600.000.000	600.000.000
6	Vay cá nhân ⁹		-	-	655.625.000	655.625.000
B	Vay và nợ dài hạn				7.691.000.000	1.469.595.535
1	NHĐT&PT VN - Chi nhánh Đông	1582324.20 09/HĐTĐH	Tháng 06/2011	theo lãi suất tại thời điểm từng lần rút	2.420.000.000	285.324.055

⁹ Thời hạn và lãi suất vay thay đổi theo Hợp đồng tín dụng ký với từng cá nhân.

	Đô	M		vốn		
2	NH NN&PTNT chi nhánh Tây Hà Nội	11040031/ HĐTD	Tháng 08/2010	0,750	4.671.000.000	684.271.480
3	NHTM Sài Gòn Công thương	278/2008/H ĐTĐA-DN	28/11/2010 -	1,375	600.000.000	500.000.000
Tổng cộng					41.546.625.000	14.957.874.696

(Nguồn: CTCP Kỹ thuật điện Sông Đà)

10.7. Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản phải thu

Bảng 17. Các khoản phải thu

Đơn vị: đồng

Các chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	30/09/2009
Phải thu khách hàng	5.942.785.592	19.789.907.861	21.403.365.848
Trả trước cho người bán	1.432.689.130	63.006.857	478.557.667
Các khoản phải thu khác	224.743.738	1.351.831.104	768.424.706
Tổng các khoản phải thu	7.600.218.460	21.204.745.822	22.650.348.221

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, BCTC quý III năm 2009 của Công ty)

Các khoản phải trả

Bảng 18. Các khoản phải trả

Đơn vị: đồng

Các chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	30/09/2009
Nợ ngắn hạn	20.350.475.468	29.960.134.439	36.885.196.467
Vay và nợ ngắn hạn	9.672.745.906	15.486.145.718	13.448.279.161
Phải trả cho người bán	1.043.919.545	2.063.336.277	4.196.022.264
Người mua trả tiền trước	4.577.834.571	2.254.671.000	6.604.353.314
Thuế và các khoản phải nộp NN	1.156.734.268	2.928.290.586	1.567.409.087
Phải trả công nhân viên	2.448.812.325	3.548.991.306	2.494.661.678

Các chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	30/09/2009
Chi phí phải trả	202.434.623	643.837.365	5.762.762.009
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.247.994.230	2.681.135.357	2.417.981.879
Dự phòng phải trả ngắn hạn		353.726.830	353.726.830
Nợ dài hạn	2.877.502.617	2.897.970.158	1.595.099.245
Vay và nợ dài hạn	2.781.995.022	2.745.467.894	1.469.595.535
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	95.507.595	152.502.264	125.503.710
Tổng Nợ phải trả	23.227.978.085	32.858.104.597	38.480.295.467

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, BCTC quý III năm 2009 của Công ty)

10.8. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 19. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản của SEEC

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản	Đơn vị	2007	2008
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,05	1,34
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,52	0,87
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,79	0,62
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	3,86	1,63
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay Hàng tồn kho theo giá vốn hàng bán	Vòng	1,24	2,01
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	Vòng	0,70	0,79
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	9,40	9,87
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	32,06	20,50
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	6,60	7,79
+ Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	9,32	12,96

(Nguồn: CTCP Kỹ thuật điện Sông Đà)

11. Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

11.1. Hội đồng Quản trị Công ty

a. Ông Võ Khánh - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên: **VÕ KHÁNH**
- Giới tính: Nam
- Số CMND/ hộ chiếu: 200411631 do Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 24/04/2008
- Ngày tháng năm sinh: 01/01/1964
- Nơi sinh: Đại Minh - Đại Lộc - Quảng Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đại Minh - Đại Lộc - Quảng Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 162A - Nguyễn Tuân - Nhân Chính - Thanh Xuân - Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 04.33553936 ; 0913 297714
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện - ngành Tự động hoá
Kỹ sư điện tử - tin học
Cử nhân Kinh tế - Quản trị kinh doanh.
- Trình độ lý luận chính trị : Cao cấp Lý luận chính trị.
- Quá trình công tác:
 - 09/1988 đến 06/1993: Kỹ sư điện-Tổ trưởng Đo lường-Tự động, Trung tâm thí nghiệm điện - Công ty điện lực 3 - Địa chỉ: TP đà Nẵng;
 - 07/1993 đến 06/1996: Phó phòng Rơ le -Tự động, Trung tâm thí nghiệm điện - Công ty điện lực 3 - Địa chỉ: TP đà Nẵng;
Đào tạo nước ngoài: Ngắn hạn - Chuyên ngành Thí nghiệm điện 500kV- tại Tổng Công ty Điện lực Thái Lan (EGAT);
 - 07/1996 đến 06/2002: Trưởng phòng Rơ le -Tự động, Trung tâm thí nghiệm điện - Công ty điện lực 3; Trưởng đoàn: Thí nghiệm hiệu chỉnh Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn, Thí nghiệm hiệu chỉnh Trạm 500kV, Thí nghiệm hiệu chỉnh Nhà máy thủy điện IALY;

Đào tạo nước ngoài: Trung hạn - Chuyên ngành Tự động hoá -
Điều khiển trung tâm (*Controler*) - Tập đoàn ABB - Cộng hoà
Liên bang Đức;

Huân chương Lao động Hạng 3.

06/2002 đến 02/2007: Phó Giám đốc Công ty Sông Đà 11 kiêm Giám đốc Trung tâm thí
nghiệm điện - Tổng Công ty Sông Đà.;

02/2007 đến 03/2009: Bí thư Đảng bộ bộ phận, Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng
giám đốc Công ty CP kỹ thuật điện Sông Đà;

04/2009 đến nay : Bí thư Đảng bộ bộ phận, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng
giám đốc Công ty CP Kỹ thuật điện Sông Đà

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Bí thư Đảng bộ bộ phận, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm
Tổng giám đốc Công ty CP kỹ thuật điện Sông Đà

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

- Số cổ phần nắm giữ:

✓ Sở hữu cá nhân: 85.325 Cổ phần

✓ Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: 0 Cổ phần

✓ Đại diện sở hữu phần vốn CTCP Sông Đà 11: 150.000 Cổ phần

- Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ: 25.625 cổ phần

✓ Họ và tên: Hà Thị Thu Thảo

✓ Quan hệ: Vợ

✓ Số cổ phần sở hữu: 25.625 Cổ phần

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

- Lợi ích liên quan đối Công ty: Không

b. Ông Nguyễn Đăng Bí - Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: **NGUYỄN ĐĂNG BÍ**

- Giới tính: Nam

- Số CMND/ hộ chiếu: 111658064 do Công an tỉnh Hà Tây cấp ngày 06/05/2003

- Ngày tháng năm sinh: 15/08/1951

- Nơi sinh: Khắc Niệm – Tiên Du - Bắc Ninh

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Khắc Niệm – Tiên Du - Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú: 14 ngõ 3 - Đường Phùng Hưng – Phúc La – Hà Đông – TP.Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 0433 544 876
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Lý luận chính trị cao cấp
- Quá trình công tác:
 - 9/1969 đến 11/1974: Công nhân xây lắp đường dây cao thế đội điện nước – Công ty Xây dựng Thủy điện Thác Bà
 - 11/1974 đến 02/1978: Công nhân thí nghiệm điện cao thế Thác Bà
 - 02/1978 đến 01/1980: Công nhân xây lắp đường dây cao thế - Xí nghiệp Lắp máy Điện nước Sông Đà
 - 01/1980 đến 09/1986: Đội trưởng Đội điện hầm - Xí nghiệp Lắp máy Điện nước Sông Đà
 - 09/1986 đến 04/1990: Phó Giám đốc Xí nghiệp Lắp máy Điện nước - Tổng Công ty Sông Đà
 - 04/1990 đến 04/1993: Giám đốc Xí nghiệp Điện nước Số 2
 - 04/1993 đến 12/1993: Tổng đội trưởng - Công ty Xây Lắp Năng lượng Sông Đà
 - 12/1993 đến 12/1995: Chuyên viên; Chủ tịch Công đoàn Công ty Xây lắp năng lượng Sông Đà
 - 11/1996 đến 12/1998: Chủ tịch công đoàn Công ty Xây lắp Năng lượng Sông Đà 11 Yaly - Gia Lai
 - 01/1999 đến 08/2000: Phó Giám đốc Công ty Xây lắp năng lượng Sông Đà 11
 - 09/2000 đến 12/2001: Phó Giám đốc Công ty; Giám đốc Xí nghiệp 11-2 công trường thủy điện YaLy
 - 01/2002 - 09/2004: Phó Giám đốc Công ty Sông Đà 11
 - 10/2004 – 04/2008: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11
 - 04/2008 đến nay: Ủy viên HĐQT Công ty CP Kỹ thuật điện Sông Đà, Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Sông Đà 11

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên HĐQT Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc CTCP Sông Đà 11
- Số cổ phần nắm giữ:
 - ✓ Sở hữu cá nhân: 7.500 cổ phần
 - ✓ Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
 - ✓ Đại diện sở hữu phần vốn CTCP Sông Đà 11: 200.000 cổ phần
- Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối Công ty: Không có

c. Ông Nguyễn Mạnh Hà - Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: **NGUYỄN MẠNH HÀ**
- Giới tính: Nam
- Số CMND/ hộ chiếu: 011311044 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 24/10/2000
- Ngày tháng năm sinh: 29/08/1957
- Nơi sinh: Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nhân Chính – Lý Nhân – Hà Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 23 Vĩnh Hồ - Đống Đa – Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 0913 228 394
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
- Quá trình công tác:
 - 1981 -1987: Phụ trách điện Xí nghiệp gạch Đại Thanh - Bộ Xây dựng
 - 1987 - 1990: Tổ trưởng tổ sửa chữa máy biến áp – Đội thí nghiệm Công ty Xây lắp điện 1
 - 1990 - 1996: Quản đốc phân xưởng gia công cơ khí - Xí nghiệp Cơ khí điện

1996 - 1998:	Đội trưởng xây lắp điện nội thất
1998 - 1999:	Phó phòng Kế hoạch Xí nghiệp Cơ khí điện
1999 - 2001:	Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Lắp máy
2001 - 2005:	Phó Giám đốc Công ty Lắp máy
05/2005 - 03/2006:	Trưởng phòng Dự án - CTCP Sông Đà 11
03/2006 - 04/2009:	Phó Tổng Giám đốc CTCP Sông Đà 11
04/2009 đến nay:	Ủy viên HĐQT Công ty CP Kỹ thuật điện Sông Đà, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Sông Đà 11

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc CTCP Sông Đà 11
- Số cổ phần nắm giữ:
 - ✓ Sở hữu cá nhân: 6.000 cổ phần
 - ✓ Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
 - ✓ Đại diện sở hữu phần vốn CTCP Sông Đà 11: 120.000 cổ phần
- Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối Công ty: Không có

d. Ông Nguyễn Văn Hải - Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: **NGUYỄN VĂN HẢI**
- Giới tính: Nam
- Số CMND/ hộ chiếu: 111473432. do công an Hà Tây cấp ngày 05/05/1997
- Ngày tháng năm sinh: 06/12/1978
- Nơi sinh: Bệnh viện tỉnh Minh Hải
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN SÔNG ĐÀ



- Địa chỉ thường trú: Nhà 8A ngõ 6 Ao Sen, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 0433553935
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - 10/2001 đến 04/2002 Nhân viên phòng Tài chính kế toán Công ty Xây lắp năng lượng Sông Đà 11
 - 05/2002 đến 08/2003 Trưởng ban Tài chính kế toán Nhà máy thủy điện Nà Lơi – Công ty Sông Đà 11
 - 09/2003 đến 03/2006 Kế toán tổng hợp thuộc phòng Tài chính kế toán CTCP Sông Đà 11
 - 04/2006 đến 01/2007 Trưởng ban tài chính kế toán Trung tâm thí nghiệm điện – Công ty cổ phần Sông Đà 11
 - 02/2007 đến 03/2007 Phó Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà
 - 04/2007 đến 03/2009 Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà
 - 04/2009 đến nay Ủy viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ:
 - ✓ Sở hữu cá nhân: 5.500 cổ phần
 - ✓ Đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
 - ✓ Đại diện sở hữu phần vốn CTCP Sông Đà 11: 0 cổ phần
- Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối Công ty: Không có

e. Ông Lê Văn Thụ - Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên **LÊ VĂN THỤ**

Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS

22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội, Tel: (84.4) 3772 6868, Fax: (84.4) 3772 6131, Website: www.kls.vn



- Giới tính: Nam
- Số CMND/hộ chiếu: 171289039 do công an Thanh Hoá cấp ngày 29/10/2008
- Ngày tháng năm sinh: 16/05/1969
- Nơi sinh: Hoàng Trung, Hoàng Hoá, Thanh Hoá
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hoàng Trung, Hoàng Hoá, Thanh Hoá
- Địa chỉ thường trú: Hoàng Trung, Hoàng Hoá, Thanh Hoá
- Số điện thoại liên lạc: 04.33553972/ 0904246259
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - 1997 đến 2001: Nhân viên kinh tế đội- Tổng Công ty Trường Sơn;
 - 2001 đến 2004: Nhân viên phòng KTKH, Phòng Dự án Công ty Sông Đà 11;
 - 2004 đến 2005: Phó phòng KTKH Công ty CP Sông Đà 11
 - 06/2005 đến 03/2007: Trưởng phòng KTKH Công ty CP Sông Đà 11.
 - 04/2007 đến nay: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc CTCP Kỹ thuật điện Sông Đà
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: UV HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ:
 - ✓ Sở hữu cá nhân: 10.200 Cổ phần
 - ✓ Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: 0 Cổ phần
 - ✓ Đại diện sở hữu phần vốn CTCP Sông Đà 11: 0 Cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối Công ty: Không có

11.2. Thành viên Ban Tổng Giám Đốc

a. Ông Võ Khánh - Tổng Giám đốc

Như mục 11.1.a

b. Ông Lê Văn Thụ - Phó Tổng Giám đốc

Như mục 11.1.e

11.3. Thành viên Ban Kiểm Soát

a. Ông Ngô Đình Khương - Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: **NGÔ ĐÌNH KHƯƠNG**
- Giới tính: Nam
- Số CMND/ hộ chiếu: 012022908 do Công an Hà Nội cấp ngày 27/02/2007
- Ngày tháng năm sinh: 26/02/1980
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thường Tín - Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Phòng số 306 - D3 - TT Giảng Võ - Ba Đình - Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 04 666 02524/0904 128686
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế- Tốt nghiệp Đại học Tài chính Kế toán
- Quá trình công tác:
 - 07/1997 đến 08/2001: Học Đại học Tài chính Kế toán - Chuyên ngành Kế toán;
 - 11/2001 đến 09/2002: Chuyên viên phòng TCKT Công ty Sông Đà 11;
 - 10/2002 đến 07/2003: Trưởng ban TCKT Xí nghiệp Sông Đà 11.4 - Công ty Sông Đà 11;
 - 08/2003 đến 11/2009: Trưởng Ban TCKT Chi nhánh Sông Đà 11.3 - Công ty CP Sông Đà 11;
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ:

- ✓ Sở hữu cá nhân: 3.000 Cổ phần
- ✓ Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
- ✓ Đại diện sở hữu phần vốn Cty CP Sông Đà 11: 0 Cổ phần
- Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối Công ty: Không có

b. Ông Vũ Văn Huy - Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: **VŨ VĂN HUY**
- Giới tính: Nam
- Số CMND/ hộ chiếu: 162239687 do Công an Nam Định cấp ngày 20/02/2008
- Ngày tháng năm sinh: 20/07/1979
- Nơi sinh: Trực Thanh - Trực Ninh – Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Trực Thanh - Trực Ninh – Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Xóm 9 - Xuân Phương - Từ Liêm- Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 0912 584 120
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - 06/2001 đến 04/2003: Công ty chế biến Lâm nông sản thực phẩm Yên Bái;
 - 02/2004 đến 03/2004: Trưởng ban TCKT- BQLDA Nhà máy sản xuất ống thép Nam Định - Công ty Cổ phần Sông Đà 11
 - 07/2004 đến 07/2006: Trưởng ban TCKT- BQLDA Nhà máy thủy điện Thác Trắng - Công ty Cổ phần Sông Đà 11
 - 07/2006 đến 10/2008: Trưởng ban TCKT chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Miền Nam

11/2008 đến 04/2009 : Kế toán tổng hợp tại phòng TCKT Công ty Cổ phần Sông Đà 11
Tháng 05/2009 đến nay Ủy viên ban kiểm soát CTCP Kỹ thuật điện Sông Đà, Kế toán tổng hợp tại phòng TCKT CTCP Sông Đà 11

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ:
 - ✓ Sở hữu cá nhân: 0 Cổ phần
 - ✓ Đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
 - ✓ Đại diện sở hữu phần vốn CTCP Sông Đà 11: 15.000 Cổ phần
- Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối Công ty: Không có

c. Ông Trần Văn Hiệp - Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: **TRẦN VĂN HIỆP**
- Giới tính: Nam
- Số CMND/ hộ chiếu: 112230000 do Công an Hà Tây cấp ngày 06/03/2006
- Ngày tháng năm sinh: 18/05/1958
- Nơi sinh: Trục Cường - Trục Ninh - Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Trục Cường - Trục Ninh - Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Số 7 ngõ 53 – Quan Nhân - Thanh Xuân - Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 04.33553932/098.5509909
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Quá trình công tác:

09/1985 đến 03/1998:	Nhân viên Phòng Tổ chức – Lao động Tổng Công ty Sông Đà;
04/1998 đến 12/1999:	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính Công ty Xây dựng Sông Đà 14;
01/2000 đến 03/2002:	Phó phòng Tổ chức – Hành chính Công ty Xây lắp năng lượng Sông Đà 11, đi học tại chức Luật kinh tế - Việc Đại học mở Hà Nội
04/2002 đến 03/2005:	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính Công ty Sông Đà 1;
04/2005 đến 11/2006	Trưởng phòng Kinh doanh, Phó Ban quản lý DA Đá - CTCP Sông Đà 11
12/2006 đến 01/2007	Trưởng Ban Nghiệp vụ tổng hợp - TT thí nghiệm điện – CTCP Sông Đà 11
02/2007 đến nay	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính CTCP Kỹ thuật điện Sông Đà;

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng TCHC
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ:
 - ✓ Sở hữu cá nhân: 8.000 Cổ phần
 - ✓ Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
 - ✓ Đại diện sở hữu phần vốn Cty CP Sông Đà 11: 15.000 Cổ phần
- Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối Công ty: Không có

11.4. Kế toán trưởng - Ông Nguyễn Văn Hải

Như tại mục 11.1.d

12. Tài sản

12.1. Tài sản

Bảng 20. Tình hình tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2008

Đơn vị: đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
TSCĐ Hữu hình	16.930.149.018	9.385.641.654	7.544.507.364
Nhà cửa vật kiến trúc	-	-	-
Máy móc thiết bị	10.103.091.889	6.180.416.200	3.922.675.689
Phương tiện vận tải	5.942.207.448	2.569.283.526	3.372.923.922
Thiết bị văn phòng	884.849.681	635.941.928	248.907.753
TSCĐ Vô hình	892.840.000	-	892.840.000
Quyền sử dụng đất	892.840.000	-	892.840.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.617.892.296	-	2.617.892.296

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008 SEEC)

Bảng 21. Tình hình tài sản của Công ty tại ngày 30/09/2009

Đơn vị: đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
TSCĐ Hữu hình	18.566.384.662	10.943.156.711	7.623.227.951
Nhà cửa vật kiến trúc	1.727.414.643	57.580.488	1.669.834.155
Máy móc thiết bị	10.132.939.507	7.215.637.168	2.917.302.339
Phương tiện vận tải	5.942.207.448	3.084.496.626	2.857.710.822
Thiết bị văn phòng	763.823.064	585.442.429	178.380.635
TSCĐ Vô hình	892.840.000	-	892.840.000
Quyền sử dụng đất	892.840.000	-	892.840.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.821.300.000	-	1.821.300.000

(Nguồn: Báo cáo tài chính Quý III năm 2009 của SEEC)

13. Kế hoạch lợi nhuận, cổ tức các năm tiếp theo

13.1. Kế hoạch Doanh thu - Lợi nhuận

Bảng 22. Kế hoạch Doanh thu - Lợi nhuận trong các năm 2009 - 2010

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2008	Năm 2009		Năm 2010	
		Giá trị	%Tăng/giảm so với 2008	Giá trị	%Tăng/giảm so với 2009
Doanh thu thuần	41.843.509.462	47.424.741.818	11,77	55.152.787.272	16,30
Vốn điều lệ	15.095.650.000	15.095.650.000	0,00	15.095.650.000	0,00
Lợi nhuận trước thuế	5.421.958.715	4.479.629.000	-21,04	5.025.335.000	12,20
Lợi nhuận sau thuế	4.129.199.490	3.695.693.925 ¹⁰	-11,73	3.769.001.000	2,00
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (%)	9,87	7,79	-2,08	6,83	-0,96
Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (%)	27,35	24,48	-2,87	24,97	0,49
Tỷ lệ cổ tức (%)	12,50	14,50	2,00	16,00	1,50

(Nguồn: Nghị quyết HĐQT số 06NQ/HĐQT ngày 05/11/2009 của SEEC)

13.2. Căn cứ đặt Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Kinh tế Việt Nam bắt đầu xuất hiện dấu hiệu khó khăn từ cuối năm 2007 với tỷ lệ lạm phát lên đến 12,6%. Năm 2008, nền kinh tế Việt Nam chứng kiến những biến động to lớn với tốc độ tăng trưởng GDP chỉ đạt 6,23% và tỷ lệ lạm phát phi mã 19,9% so với năm 2007. Sang nửa đầu năm 2009, cuộc khủng hoảng kinh tế đang lan rộng khắp toàn cầu và ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế Việt Nam. Là một chủ thể trong nền kinh tế, Công ty cũng chịu những tác động nhất định từ những biến động nêu trên. Chính vì lý do này, ngay từ đầu năm, Công ty đã tiến hành lập kế hoạch sản xuất kinh doanh các năm 2009 nhằm đưa các chỉ tiêu phát triển của doanh nghiệp phù hợp với những biến động trong hoạt động sản xuất kinh doanh và sát với thực tại của nền kinh tế. Sang đến tháng 9 năm 2009, mặc dù nền kinh tế trong nước có nhiều dấu hiệu phục hồi nhưng đảm bảo tính cân trọng, HĐQT

¹⁰ Năm 2009, Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC của Bộ Tài Chính.

Công ty đã thực hiện điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm 2009 và đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2010¹¹. Xét về những yếu tố khách quan và chủ quan, các chỉ tiêu đặt ra nêu trên là hoàn toàn nằm trong khả năng thực hiện của Công ty.

Hiện tại, Công ty đang tham gia Thí nghiệm hiệu chỉnh và Lắp đặt thiết bị điện cho nhiều công trình trọng điểm quốc gia¹² như: Công trình Thủy điện Tuyên Quang, Công trình Thủy điện Nậm Chiến 1, 2; nhà máy Xi măng Hạ Long; Nhà máy Thủy điện Hương Điền; Nhà máy Thủy điện Hương Sơn, Công trình xây lắp đường dây 220kV dốc Sỏi – Quảng Ngãi, Với khối lượng công việc lớn như vậy, Công ty xác định Doanh thu từ hoạt động Lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh trong năm 2009 sẽ là trên 18,6 tỷ đồng, tương ứng với 2,8 tỷ đồng lợi nhuận và Doanh thu từ hoạt động Xây lắp các công trình điện và lắp ráp, kinh doanh thiết bị điện trong năm 2009 sẽ là 28,7 tỷ đồng, tương ứng với 1,7 tỷ đồng lợi nhuận.

Tính đến ngày 30/09/2009, lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt được xấp xỉ 1,5 tỷ đồng, chiếm 33,03%. Do đặc thù sản xuất kinh doanh của Công ty, thường đến cuối năm thủ tục thanh quyết toán các công trình mới được xúc tiến hoàn thành. Theo đó, doanh thu, lợi nhuận sẽ được ghi nhận chủ yếu trong quý IV của năm.

Thêm vào đó, được sự tín nhiệm của Tổng Công ty Sông Đà, trong thời gian tới, Công ty sẽ tham gia hoạt động Lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh và Xây lắp các công trình điện cho một số công trình lớn khác¹³ như: Thủy điện Xêkaman 1 và 3, Thủy điện Sêsan 4A, Thủy điện Nậm Chiến 1, Theo đó, ước tính Doanh thu từ hoạt động Lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh của Công ty trong năm 2010 sẽ là 21,3 tỷ đồng, tương ứng với 3,1 tỷ đồng lợi nhuận. Đồng thời, ước tính Doanh thu từ hoạt động Xây lắp các công trình điện trong năm 2010 sẽ là 33,8 tỷ đồng, tương ứng với 1,95 tỷ đồng lợi nhuận.

Như vậy, với sự nỗ lực sản xuất và không ngừng sáng tạo của đội ngũ CBCNV cùng với sự lãnh đạo sáng suốt của đội ngũ lãnh đạo trong Công ty và sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Tổng Công ty Sông Đà, Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà tin tưởng vào khả năng hoàn thành các kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận của Công ty cho 2 năm 2009 và 2010.

14. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của SEEC

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long xin đưa ra đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà trong giai đoạn 2009 - 2010 dựa trên cơ sở thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà. Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà dự kiến trong giai đoạn 2009 - 2010 là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Chúng tôi lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ

¹¹ Theo Nghị quyết HĐQT số 07NQ/HĐQT ngày 05/11/2009 của SEEC.

¹² Chi tiết theo Bảng 10: Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết.

¹³ Chi tiết theo Bảng 12: Một số công trình Tổng Công ty Sông Đà giao cho Công ty lắp đặt và hiệu chỉnh thiết bị điện.

chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có tính chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính, chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Các nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết

- Không có.

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

- Không có.

PHẦN V: CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

1. Tên cổ phiếu:

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà

2. Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết:

1.509.565 (*Một triệu, năm trăm linh chín nghìn, năm trăm sáu mươi lăm*) cổ phiếu

3. Loại cổ phiếu:

Cổ phiếu phổ thông

4. Mệnh giá:

10.000 (*Mười nghìn*) đồng/cổ phiếu

5. Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá:

15.095.650.000 (*Mười lăm tỷ, chín mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi nghìn*) đồng

6. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của Công ty

Hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu đối với cổ đông sáng lập

Theo quy định tại Khoản 5, Điều 84 Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH-11 “*Trong thời hạn 3 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.*”

Công ty Cổ phần kỹ thuật điện Sông Đà được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 14/02/2007. Như vậy, số cổ phần do cổ đông sáng lập của SEEC nắm giữ sẽ bị hạn chế chuyển nhượng cho các đối tượng không phải là cổ đông sáng lập của Công ty theo quy định trên cho đến hết ngày 14/02/2010.

Bảng 23. **Danh sách cổ đông sáng lập và số lượng cổ phần**
bị hạn chế chuyển nhượng kèm theo

STT	Họ và tên	Số CMND/ĐKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng đến ngày 14/02/2010
1	Tổng Công ty Sông Đà	0106000898	25.000	25.000
2	Công ty Cổ phần Sông Đà 11	0303000212	500.000	500.000
3	102 Cổ đông sáng lập khác	-	677.875	677.875
	Tổng cộng		1.202.875	1.202.875

(Nguồn: Giấy ĐKKD số 0103015940 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 14/02/2007, sửa đổi lần 2 ngày 18/09/2009)

Hạn chế chuyển nhượng cổ phần đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng

Điều 9, khoản d, Nghị định 14/2007/NĐ-CP ban hành ngày 19/01/2007 có quy định: “cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc, và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.”

Như vậy số cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân mà các thành viên trên nắm giữ sẽ bị hạn chế chuyển nhượng, cụ thể như sau:

Bảng 24. **Danh sách cổ đông nội bộ và số lượng cổ phần**
bị hạn chế chuyển nhượng kèm theo

Stt	Họ và tên	Chức vụ	SLCP đang nắm giữ	SLCP hạn chế chuyển nhượng	
				06 tháng kể từ ngày niêm yết	06 tháng tiếp theo
1.	Võ Khánh	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	85.325	85.325	42.663
2.	Nguyễn Đăng Bí	Thành viên HĐQT	7.500	7.500	3.750
3.	Nguyễn Mạnh Hà	Thành viên HĐQT	6.000	6.000	3.000

Stt	Họ và tên	Chức vụ	SLCP đang	SLCP hạn chế chuyển nhượng	
4.	Nguyễn Văn Hải	Thành viên HĐQT	5.500	5.500	2.750
5.	Lê Văn Thụ	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	10.200	10.200	5.100
6.	Ngô Đình Khương	Trưởng Ban kiểm soát	3.000	3.000	1.500
7.	Trần Văn Hiệp	Thành viên Ban kiểm soát	8.000	8.000	4.000
8.	Công ty cổ phần Sông Đà 11 ¹⁴		500.000	500.000	250.000
			625.525	625.525	312.763

(Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 24/11/2009 của SEEC)

7. Phương pháp tính giá

❖ **Giá trị sổ sách của cổ phiếu**

Công thức tính:

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phần} = \frac{\text{Nguồn Vốn chủ sở hữu – Nguồn kinh phí và quỹ khác}}{\text{Số cổ phần đã phát hành – Cổ phiếu quỹ}}$$

Giá trị sổ sách của cổ phần tại thời điểm 31/12/2008:

$$\text{Giá trị sổ sách 1 CP} = \frac{20.252.581.745}{1.509.565} = 13.416 \text{ đồng}$$

Giá trị sổ sách của cổ phần tại thời điểm 30/09/2009:

$$\text{Giá trị sổ sách 1 CP} = \frac{18.613.445.637}{1.509.565} = 12.330 \text{ đồng}$$

8. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà đối với người nước ngoài. Tuy nhiên, theo

¹⁴ Công ty Cổ phần Sông Đà 11 có người đại diện phần vốn là thành viên HĐQT/BKS của Công ty, do đó số cổ phần do Công ty Cổ phần Sông Đà 11 nắm giữ cũng bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Điều 9, khoản d, Nghị định 14/2007/NĐ-CP.

Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của Nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam:

- Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 49% vốn điều lệ của một công ty đại chúng.

Theo đó, tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại SEEC không được vượt quá 49% vốn điều lệ của Công ty. Tại ngày 30/09/2009, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 0%.

9. Các loại thuế có liên quan

Thuế thu nhập cá nhân

Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH-12 được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2007 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2009 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật Thuế Thu nhập cá nhân có quy định:

- *Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập cổ tức:*

Theo quy định trong Thông tư số 84/2008/TT-BTC “*Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/09/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân*”, ban hành ngày 30/09/2008, và Thông tư số 62/2009/TT-BTC “*Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Thông tư số 84/2008/TT-BTC*” ban hành ngày 27/03/2009, nhà đầu tư sẽ phải đóng thuế thu nhập cá nhân đối với khoản thu nhập từ cổ tức (*đối với cổ tức bằng tiền*). Khoản thu nhập này được xác định là thu nhập từ đầu tư vốn.

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = cổ tức nhận được x thuế suất 5%.

- *Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:*

Cũng theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC, thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán bao gồm thu nhập từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại khác theo quy định của Luật Chứng khoán thuộc diện thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân.

Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20%. Cách tính thuế thu nhập cá nhân phải nộp như sau:

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất 20%

Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Cách tính thuế phải nộp như sau:

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Giá chuyển nhượng x Thuế suất 0,1%

Mọi trường hợp chuyển nhượng chứng khoán không phân biệt nộp thuế theo thuế suất 0,1% hay 20% đều phải khấu trừ thuế trước khi thanh toán cho người chuyển nhượng. Căn cứ để xác định số thuế khấu trừ là giá chuyển nhượng chưa trừ các khoản chi phí nhân với thuế suất 0,1%.

Thuế Giá trị gia tăng

Theo Nghị định 123/2008/NĐ-CP được ban hành ngày 08/12/2008 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2009, những người sử dụng các dịch vụ liên quan đến chứng khoán, với các nghiệp vụ như môi giới, tự doanh, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư, lưu ký chứng khoán, đều không phải nộp thuế Giá trị gia tăng.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Thông tư 130/2008/TT-BTC “Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp” mức thuế suất TNDN hàng năm áp dụng cho Công ty là 25% trên lợi nhuận thu được (*áp dụng từ năm tài chính 2009*).

Theo Thông tư 03/2009/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội”, các doanh nghiệp vừa và nhỏ được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của Quý IV năm 2008 và số thuế TNDN phải nộp năm 2009. Với số lao động bình quân trong quý IV năm 2008 nhỏ hơn 300 người, SEEC được xếp vào các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Theo đó, Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp Quý IV năm 2008 và số thuế TNDN phải nộp năm 2009.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được xác định theo quy định của pháp luật hiện hành.

PHẦN VI: CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS



Trụ sở chính: 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3772 6868 Fax: (84-4) 3772 6131

Chi nhánh Hồ Chí Minh: Lầu 2, tòa nhà Centec Tower, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, HCM

Điện thoại: (84-8) 3823 3923 Fax: (84.8). 3827 7380

Website: www.kls.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM KIỂM TOÁN MỸ (AA)- CHI NHÁNH HÀ NỘI



Trụ sở chính: P502 Nhà B4 Khu Đô thị Mỹ Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 6287 1970 Fax: (84.4) 6287 1971

Website: <http://www.americanauditing.com>

Email: aa.hanoi@gmail.com

PHẦN VII: PHỤ LỤC

1. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
2. Điều lệ Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà;
3. Báo cáo tài chính kiểm toán 2008, BCTC quyết toán 9 tháng đầu năm 2009 của Công ty Cổ phần kỹ thuật điện Sông Đà;
4. Sơ yếu lý lịch của các thành viên HĐQT, Ban TGD, Ban KS, Kế toán trưởng;
5. Các tài liệu liên quan khác.

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2009

TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN SÔNG ĐÀ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/TỔNG GIÁM ĐỐC



KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN VĂN HẢI

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ VĂN THỤ

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



NGÔ ĐÌNH KHƯƠNG

TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM VĨNH THÀNH